

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 07 tháng 07 năm 2020)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ...25.9.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2020)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI

Địa chỉ: Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3875.6889

Website: <http://www.hanoiplastics.com.vn/>

Email: info@hpcvn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3377.6699

Website: www.sbsi.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông: **Bùi Thanh Nam**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Điện thoại: (84-24) 3875.6706

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI



(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 07 tháng 7 năm 2020)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá chào bán dự kiến:	45.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán:	2.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán:	20.000.000.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng)
Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành:	34.440.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ :	0 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu đã phát hành:	344.400.000.000 (bằng chữ: Ba trăm bốn mươi bốn tỷ bốn trăm triệu đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

❖ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3831.5100

Website: www.ey.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN

❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3377.6699

Fax: (84-4) 3373.6699

Website: www.sbsi.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1.	Rủi ro về kinh tế	7
1.1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	7
1.2	Tình hình lạm phát	8
1.3	Lãi suất	9
1.4	Rủi ro về tỷ giá	9
2.	Rủi ro về luật pháp	10
3.	Rủi ro đặc thù	10
3.1.	Rủi ro trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa	10
3.2.	Rủi ro về biến động giá nhiên liệu đầu vào	11
3.3.	Rủi ro trả giá của nhà cung cấp	11
4.	Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	12
4.1	Rủi ro của đợt chào bán.....	12
5.	Rủi ro pha loãng	12
5.1	Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu	13
5.2	Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần	13
6.	Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết	14
7.	Rủi ro khác	14
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	15
1.	Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	15
2.	Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers.....	15
III.	CÁC KHÁI NIỆM	16
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	18
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	18
1.1.	Thông tin chung.....	18
1.2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	19
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty	21
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	21
3.1.	Đại Hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).....	22
3.2.	Hội đồng quản trị (HĐQT).....	22

3.3.	Ban Kiểm soát (BKS).....	23
3.4.	Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD)	23
3.5.	Các ban chức năng	24
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.	27
4.1.	Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty	27
4.2.	Cơ cấu cổ đông.....	30
5.	Danh sách Công ty mẹ, Công ty con và những Công ty mà Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	31
5.1.	Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	31
5.2.	Công ty con của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	31
5.3.	Công ty liên doanh, liên kết.....	33
6.	Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	34
6.1.	Quá trình tăng vốn.....	34
6.2.	Ý kiến của kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất .	36
7.	Hoạt động kinh doanh	37
7.1.	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính	37
7.2.	Cơ cấu doanh thu.....	43
7.3.	Chi phí sản xuất.....	44
7.4.	Hoạt động Marketing.....	45
7.5.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	45
7.6.	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	46
8.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	48
8.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	48
8.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.....	50
9.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	53
9.1.	Vị thế của Công ty trong ngành.....	53
9.2.	Triển vọng phát triển của ngành.....	53

9.3.	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.....	55
10.	Chính sách đối với người lao động	56
10.1.	Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty	56
10.2.	Chính sách đối với người lao động	57
11.	Chính sách cổ tức	59
12.	Tình hình tài chính	59
12.1.	Các chỉ tiêu cơ bản	59
12.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	65
13.	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	67
13.1.	Hội đồng quản trị.....	67
13.2.	Ban Tổng Giám đốc	75
13.3.	Ban Kiểm soát	80
14.	Tài sản thuộc sở hữu Công ty.....	83
14.1.	Tài sản cố định	83
14.2.	Tình hình sử dụng đất đai.....	84
15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo	85
15.1.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo	85
15.2.	Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức nêu trên.....	85
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	87
17.	Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức.....	88
18.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty.....	88
19.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán	88
V.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	88
1.	Loại cổ phiếu	88
2.	Mệnh giá.....	88
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.....	88
4.	Giá chào bán dự kiến đối với cổ phiếu chào bán	88
5.	Phương pháp tính giá.....	88
6.	Phương thức phân phối.....	89
7.	Thời gian phân phối cổ phiếu.....	90
8.	Đăng ký mua cổ phiếu.....	90

9.	Phương thức thực hiện quyền.....	91
10.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	91
11.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	92
12.	Các loại thuế có liên quan	92
13.	Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu	92
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	93
1.	Mục đích chào bán	93
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	93
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN	94
IX.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN	96
X.	PHỤ LỤC	98

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.	Danh sách cổ đông lớn của Công ty tại 28/07/2020	27
Bảng 2.	Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn	28
Bảng 3.	Cơ cấu cổ đông tại 28/07/2020	30
Bảng 4.	Quá trình tăng vốn điều lệ.....	34
Bảng 5.	Tổng sản lượng tại các nhà máy của Công ty	37
Bảng 6.	Sản lượng tại nhà máy NHH	38
Bảng 7.	Sản lượng tại nhà máy VIEXIM	39
Bảng 8.	Sản lượng tại nhà máy An Trung Industries	40
Bảng 9:	Sản lượng tại nhà máy VMC	41
Bảng 10.	Sản lượng tại Nhà máy VAPA	42
Bảng 11.	Doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh	43
Bảng 12:	Chi phí sản xuất năm 2018, 2019 và 6 tháng 2020	45
Bảng 13.	Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	46
Bảng 14.	Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty mẹ.....	48
Bảng 15.	Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp nhất.....	49
Bảng 16.	Tình hình lao động của Công ty	57
Bảng 17.	Tỷ lệ cổ tức 03 năm gần nhất (2017 – 2019)	59
Bảng 18.	Tình hình vốn điều lệ của Công ty	59
Bảng 19.	Thời gian khấu hao của các loại tài sản	60

Bảng 20: Mức lương bình quân năm 2017 - 2019.....	62
Bảng 21. Tình hình các khoản phải nộp Nhà nước	62
Bảng 22 Tình hình trích các quỹ theo Luật định	63
Bảng 23. Tình hình dư nợ vay của Công ty.....	63
Bảng 24. Tình hình các khoản phải thu	64
Bảng 25. Tình hình các khoản phải trả.....	64
Bảng 26. Các chỉ tiêu tài chính năm 2018, 2019 và 6 tháng 2020	65
Bảng 27. Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2019	83
Bảng 28. Giá trị tài sản cố định tại ngày 30/06/2020	84
Bảng 29. Danh sách đất đai, nhà xưởng tại ngày 30/06/2020	84
Bảng 30. Dự kiến kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020	85
Bảng 31: Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến	90
Bảng 32: Mục đích sử dụng vốn chi tiết.....	93

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2009 - 2019	7
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm.....	8
Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	21
Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	21
Hình 6: Tỷ lệ nội địa hóa các sản phẩm hỗ trợ	55
Hình 7: Tỷ lệ nội địa hóa theo ngành	55

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội được thành lập và hoạt động trên lãnh thổ và tuân thủ theo pháp luật Việt Nam, do đó các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty không chỉ bao gồm các nhân tố nội tại doanh nghiệp mà còn bao gồm nhiều nhân tố vĩ mô khác.

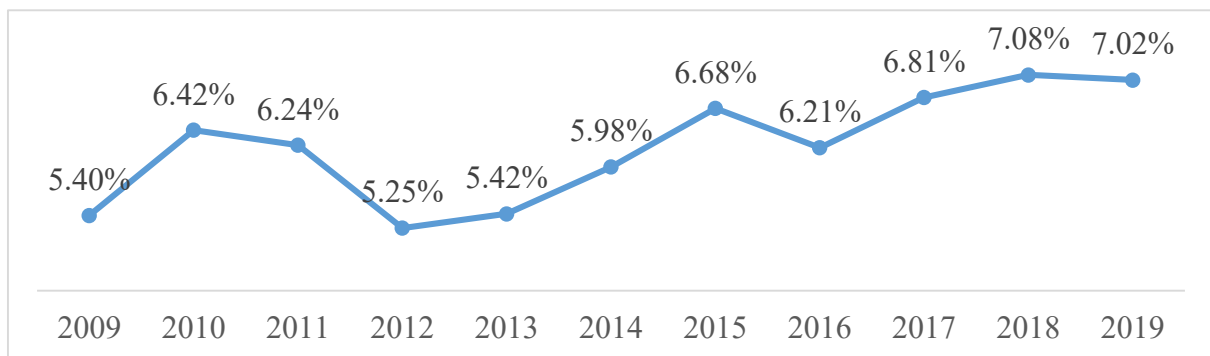
1. Rủi ro về kinh tế

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất... chính sách kinh tế của Chính phủ có tác động nhất định đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Trong những năm trở lại đây, nền kinh tế toàn cầu đã có sự tăng trưởng vượt bậc. Do đó, Việt Nam cũng nhận được những tác động tích cực từ sự tăng trưởng chung của nền kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiềm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định .v.v. đã giúp tình hình kinh tế vĩ mô nước ta trong những năm qua có bước chuyển mình mạnh mẽ. Những thay đổi mang tính đột phá về thể chế kinh tế giai đoạn 2016 - 2019, dù mới chỉ là bước đầu, đã có tác động tích cực đến môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội nói riêng.

Hình 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2009 - 2019



Nguồn: Tổng cục thống kê

Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đã có nhiều khả quan với mức tăng trưởng lần lượt là 6,68% trong năm 2015; 6,1% trong năm 2016 và 6,81% trong năm 2017. GDP năm 2018 tăng 7,08% so với năm 2017, cao nhất trong vòng 10 năm qua. Năm 2019, GDP đạt 7,02%, vượt mục tiêu Chính phủ đề ra là 6,78% và cũng là năm thứ hai liên tiếp

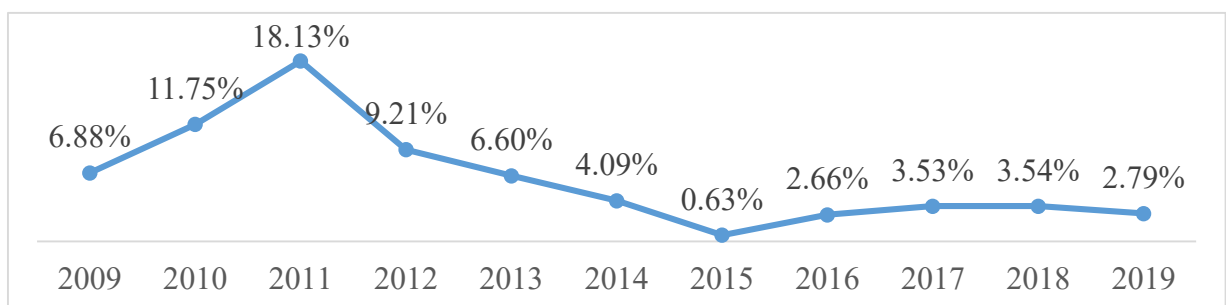
GDP tăng trưởng trên 7%. Quốc hội đã quyết nghị mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2020 là mức 6,8%.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế - xã hội nước ta 06 tháng đầu năm 2020 ảnh hưởng nặng nề từ dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona bùng phát, tính đến hết 30/06/2020 tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 1.81% thấp nhất của 6 tháng trong giai đoạn từ 2011 - 2020, tuy nhiên Việt Nam vẫn là một trong số ít các quốc gia có mức tăng trưởng kinh tế dương trong bối cảnh dịch bệnh lan rộng trên toàn cầu. Riêng quý II/2020 ước tính tăng 0.36% so với cùng kỳ năm trước, là mức thấp nhất của quý II các năm trong giai đoạn từ năm 2011-2020 do ảnh hưởng từ các giải pháp giãn cách xã hội của Chính phủ. Hiệp định Thương mại tự do (EVFTA) bắt đầu có hiệu lực từ 1/8 với nhiều chính sách ưu đãi về thuế được dự kiến sẽ góp phần làm GDP tăng thêm ở mức bình quân từ 2,18 đến 3,25% (cho giai đoạn 05 năm đầu thực hiện), tăng 4,57-5,30% (cho giai đoạn 05 năm tiếp theo) và tăng 7,07-7,72% (cho giai đoạn 05 năm sau đó), kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU tăng thêm khoảng 42,7% vào năm 2025 và 44,37% vào năm 2030 so với không có Hiệp định, có thể là một đòn bẩy góp phần hồi phục tăng trưởng kinh tế trong quý IV/2020.

1.2 Tình hình lạm phát

Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng sẽ dẫn đến tăng chi phí sản xuất kinh doanh trong khi giá hàng hoá lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm



Nguồn: Tổng cục thống kê

Giai đoạn 2016-2019, lạm phát bình quân của Việt Nam ở mức thấp kỷ lục trong nhiều năm qua, một phần là do ảnh hưởng của sự lao dốc của giá dầu thô. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2020 tăng 0.66% so với tháng trước, đây là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2016-2020, lạm phát cơ bản bình quân 6 tháng đầu năm 2020 tăng

2,81% so với bình quân cùng kỳ năm 2019 đòi hỏi Chính phủ phải có các chính sách điều hành vĩ mô phù hợp nhằm đảm bảo ổn định kinh tế và giảm thiểu tỷ lệ lạm phát về mức ổn định.

1.3 Lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sử dụng nguồn vay lớn từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp.

Trong những năm gần đây, lãi suất cho vay của doanh nghiệp đã trở nên bình ổn và tạo sức bật cho cả nền kinh tế hội nhập và phát triển toàn cầu. Lãi suất cho vay doanh nghiệp những năm gần đây ở mức phổ biến 7 – 8%/năm, qua đó hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung. Trong 06 tháng đầu năm 2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh giảm 02 lần các mức lãi suất hiện hành với tổng mức giảm 1% - 1,5%/năm để hỗ trợ thanh khoản và tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp, khắc phục tạm thời các vấn đề về nguồn vốn trong thời điểm kinh tế bị đình trệ nhiều do dịch bệnh.

Những bất ổn về lạm phát và lãi suất xảy ra vào những năm 2008 và 2010 làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của nền kinh tế đã trở thành bài học kinh nghiệm to lớn cho Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Quan điểm nhất quán, xuyên suốt trong việc điều hành chính sách tài chính, tiền tệ hiện nay là đảm bảo ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế. Do vậy, rủi ro liên quan đến việc lãi suất tăng đột biến gây khó khăn cho nền kinh tế sẽ khó có thể tái diễn trong thời gian tới.

1.4 Rủi ro về tỷ giá

Rủi ro về tỷ giá là thách thức đối với các doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, máy móc đầu vào để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là trong thời điểm tỷ giá ngoại tệ biến động theo chiều hướng tăng. Khi tỷ giá thay đổi, đặc biệt theo xu hướng tăng thì chi phí đầu vào của Công ty sẽ tăng theo, trong khi sản phẩm lại không thể điều chỉnh tăng tương ứng ngay lập tức, điều này làm tăng chi phí và giảm lợi nhuận của Công ty.

Rủi ro tỷ giá của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội chủ yếu liên quan tới hoạt động đầu tư máy móc thiết bị và hoạt động mua nguyên vật liệu. Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội chủ yếu mua máy móc thiết bị từ các nước Mỹ, Nhật Bản,... trong đó chủ yếu là Nhật Bản nên phần nào cũng bị ảnh hưởng bởi tỷ giá đồng yên Nhật và tỷ giá USD, tuy nhiên, ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái tới hoạt động này không nhiều vì hoạt động đầu tư máy móc thiết bị không phải là hoạt động thường xuyên, không phải năm nào Công ty cũng đầu tư.

Nguyên vật liệu của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội chủ yếu được nhập khẩu từ các nước Đài Loan, Ấn Độ, Thái Lan, Hàn Quốc,... nên sự biến động tỷ giá HDK, INR, THB; KRW,... sẽ phần nào ảnh hưởng tới chi phí nguyên vật liệu của Công ty, kéo theo ảnh hưởng tới doanh thu

và lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, phần lớn nguyên vật liệu Công ty là do khách hàng chỉ định và có giá tham chiếu khi giá nguyên vật liệu đầu vào biến động +/- 5% thì sẽ điều chỉnh giá bán tương ứng nên Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội không bị ảnh hưởng nhiều bởi tỷ giá hối đoái.

2. **Rủi ro về luật pháp**

Trong quyết định số 55/2007/QĐ-TTg phê duyệt Danh mục 10 ngành công nghệ ưu tiên, mũi nhọn giai đoạn 2007 – 2010, tầm nhìn đến năm 2020, ngành nhựa cũng nằm trong danh sách các ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển. Trong quyết định số 2992/QĐ-BTC ngày 17/06/2011 về Quy hoạch tổng thể phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2035, chính phủ đặt ra kế hoạch đầu tư chi tiết, ưu tiên phát triển ngành nhựa thành ngành kinh tế mạnh. Điều này cho thấy ngành nhựa sẽ được tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh hoạt động sản xuất cũng như xuất khẩu.

Việt Nam hiện là một nước đang phát triển, do đó, luật và các văn bản dưới luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách, đặc biệt là những điều chỉnh trong Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định khác liên quan đến ngành nghề là vấn đề tất yếu và ít nhiều gây ra ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro pháp lý là rủi ro thuộc khía cạnh hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. **Rủi ro đặc thù**

3.1. **Rủi ro trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa**

Đối với ngành công nghiệp phụ trợ, chuyên sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp như các phụ kiện trong công nghiệp xây dựng, các chi tiết nhựa trong công nghiệp điện tử viễn thông, công nghiệp sản xuất ô tô, xe máy, các sản phẩm ngành công nghiệp khác và các mặt hàng nhựa gia dụng như máy giặt, điều hòa, sự biến động của ngành công nghiệp chính như sản xuất ô tô, xe máy, máy giặt, điều hòa,... sẽ ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, các sản phẩm ô tô, xe máy, máy giặt, điều hòa,... là các sản phẩm thiết yếu và khi nền kinh tế càng phát triển, nhu cầu của người tiêu dùng đối với các sản phẩm này càng tăng cao. Bởi vậy, rủi ro về ngành nghề kinh doanh cũng không có tác động quá lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm nhựa công nghiệp hỗ trợ của Công ty.

Mức độ cạnh tranh trong ngành ngày càng tăng cao không chỉ với các doanh nghiệp trong nước mà còn từ phía các doanh nghiệp Trung Quốc. Nguyên nhân là các doanh nghiệp nước ngoài có xu hướng chuyển từ mua hàng từ Trung Quốc sang thị trường Việt Nam nhưng lại ép doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng mức giá rẻ như mục tiêu trước đây của họ tại Trung Quốc. Điều này gây bất lợi cho doanh nghiệp có quy mô, chuyên nghiệp, quản lý bài bản.

Trước vấn đề này, Công ty đã đang áp dụng các biện pháp khác nhau để tăng cường tính cạnh tranh có thể kể đến như áp dụng các quy trình quản trị chi phí, quản trị tài chính tiên tiến để bảo toàn lợi nhuận, tạo ra lợi thế cạnh tranh về giá hay duy trì chế độ kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt để nâng cao chất lượng sản phẩm.

3.2. Rủi ro về biến động giá nhiên liệu đầu vào

Nguyên vật liệu đầu vào chính của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội là hạt nhựa. Chi phí nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm của Công ty. Vì vậy, biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Đặc biệt là những nguyên vật liệu này hiện nay trong nước chưa sản xuất được, chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài. Trong khi đó, giá nhập khẩu các loại nguyên vật liệu này lại có sự biến động theo nhiều yếu tố như sự biến động của giá dầu, giá khí thiên nhiên và giá than đá trên thế giới. Hai nguyên liệu chính để sản xuất nguyên liệu nhựa là dầu mỏ và khí thiên nhiên, vì vậy, giá nhựa nguyên liệu nhập khẩu thường biến động tương ứng với thay đổi giá dầu thế giới. Những năm gần đây, giá dầu tăng/giảm rất bất thường, khó dự đoán, dẫn tới biến động của giá hạt nhựa đầu vào làm ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong 2 năm gần đây, giá hạt nhựa PP tăng tới 43%, giá hạt nhựa năm 2018 tăng 12,18% so với cùng kỳ năm trước. 9 tháng đầu năm 2019, giá hạt nhựa PP trải qua biến động mạnh. Theo dữ liệu của Plasticportal, nếu nửa đầu năm 2019, giá hạt nhựa PP có xu hướng tăng từ €1.27/kg lên mức đỉnh €1.32/kg vào tháng 6/2019 thì trong 3 tháng gần đây, giá hạt nhựa PP có xu hướng giảm và đạt mức €1.18/kg.

Tuy nhiên, phần lớn nguyên vật liệu Công ty là do khách hàng chỉ định và có giá tham chiếu, khi giá nguyên vật liệu đầu vào biến động +/- 5% thì sẽ điều chỉnh giá bán tương ứng nên Công ty không bị ảnh hưởng quá lớn bởi biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện việc kiểm soát rủi ro nguyên vật liệu thông qua việc mua nguyên liệu theo kế hoạch sản xuất hàng tháng tùy theo đơn hàng từ phía khách hàng đặt chứ không còn tích trữ hàng tồn kho nhiều như trước đây. Việc này sẽ giảm thiểu rủi ro bị lỗ, giúp Công ty kiểm soát chi phí đầu vào hiệu quả hơn.

3.3. Rủi ro trả giá của nhà cung cấp

Hiện nay, các Công ty cung ứng nguyên liệu nhựa thường có vị thế hơn trong việc thương thảo giá đối với các công ty sản xuất nhựa vì một số lý do sau:

- Nguyên liệu nhựa đầu vào chiếm 70 – 80% chi phí sản xuất của các công ty nhựa.
- Nguyên liệu nhựa chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài tới 80%, nguồn cung trong nước hạn chế khiến vị thế của các công ty sản xuất nhựa trong nước đối với những đối tác cung ứng nước ngoài trở nên yếu đi. Bên cạnh đó, ngành công nghiệp hoá dầu của Việt Nam còn non trẻ, sản phẩm ngành chưa đáp ứng được về cả chủng loại cũng như sản lượng, do vậy, khả năng tự chủ

được nguồn nguyên liệu của ngành nhựa trong nước sẽ chưa thể cải thiện trong tương lai gần mặc dù các dự án phát triển hoá dầu đã được triển khai.

- Số lượng công ty sản xuất nhựa trong nước tương đối lớn, trong khi đó nguồn cung nguyên liệu lại bị hạn chế.
- Sản phẩm của Công ty thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ nên có yêu cầu chất lượng cao, đảm bảo các tính năng và công năng theo yêu cầu từ các thương hiệu lớn. Do vậy nguyên liệu nhựa được sử dụng sản xuất đều có xuất xứ rõ ràng và là nhựa có tiêu chuẩn cao, phần lớn trong nước chưa sản xuất được và do khách hàng chỉ định loại sử dụng, nguồn cung cấp. Để hạn chế rủi ro này, Công ty đàm phán chính sách bán hàng với khách hàng điều chỉnh giá bán theo biến động giá nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là nhập khẩu từ các nước tiên tiến, các nhà cung cấp nước ngoài là các hãng lớn, có tên tuổi trên thị trường nên nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu của Công ty luôn ổn định kể cả trong các thời kỳ khó khăn của nền kinh tế. Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chính của Công ty đều có mối quan hệ hợp tác lâu dài với Công ty. Do vậy, Công ty luôn đảm bảo được sự ổn định của nguồn nguyên liệu với giá cả hợp lý từ các đối tác.

4. **Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán**

4.1 **Rủi ro của đợt chào bán**

Trong đợt chào bán này, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội dự kiến chào bán thêm 2.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 861:50 với giá chào bán là 45.000 đồng/cổ phiếu. Giá giao dịch của cổ phiếu NHH bình quân hiện nay trên thị trường khoảng 48.300 đồng/cổ phiếu. Như vậy, nếu thị trường chứng khoán tiếp tục có những diễn biến ổn định trong thời gian tới thì Công ty sẽ hạn chế được rủi ro do cổ đông từ chối thực hiện quyền mua.

Trong trường hợp thị trường bất ngờ có diễn biến xấu và đi xuống, hoặc trong trường hợp giá cổ phiếu NHH giảm xuống dưới vùng giá chào bán khiến các cổ đông có thể không thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm thì số lượng cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định bán cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần).

5. **Rủi ro pha loãng**

Tổng số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt này 2.000.000 cổ phiếu, bằng 5,81% lượng cổ phiếu đã phát hành của Công ty.

Sau khi lượng cổ phiếu này chào bán, giá cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng với mức độ nhất định. Sự điều chỉnh kỹ thuật về giá cổ phiếu được tính theo công thức:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

P: là giá tham chiếu điều chỉnh trong Ngày giao dịch không hưởng quyền

P_{t-1} là giá đóng cửa cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày giao dịch không hưởng quyền

I là tỷ lệ vốn tăng trong trường hợp thực hiện quyền mua thêm đối với cổ đông hiện hữu; được tính bằng 2.000.000 cổ phiếu phát hành thêm quyền mua cho cổ đông hiện hữu/ 34.440.000 cổ phiếu đang lưu hành (I= 0.058)

PR là giá phát hành đối với quyền mua cổ phiếu (PR= 45.000 đồng/cổ phiếu)

Giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng P phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng P_{t-1} .

+ Nếu $P_{t-1} = PR = 45.000$ đồng/cổ phiếu thì giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng $P = P_{t-1} = 45.000$ đồng/cổ phiếu.

+ Nếu $P_{t-1} < PR$, thì $P_{t-1} < P$ và P_{t-1} càng thấp thì khoảng cách $P - P_{t-1}$ càng cao.

+ Nếu $P_{t-1} > PR$ thì $P_{t-1} > P$ và P_{t-1} càng cao thì khoảng cách $P_{t-1} - P$ càng cao. Với mỗi giá P_{t-1} cụ thể ta sẽ có giá P tương ứng.

5.1 Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu

Số cổ phiếu lưu hành trên thị trường sau khi thực hiện chào bán sẽ tăng so với cổ phiếu đang lưu hành, vì vậy thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) sẽ được điều chỉnh.

$$\text{EPS bình quân kỳ} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ (*)}}$$

$$(*) \text{ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{A \times 12 + B \times t}{12}$$

A: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi chào bán (cổ phiếu)

B: Số lượng cổ phiếu chào bán (cổ phiếu)

t: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận với tốc độ tăng số lượng cổ phần: số lượng cổ phần tăng lên nhưng lợi nhuận sau thuế tăng với tốc độ chậm hơn sẽ làm cho thu nhập trên mỗi cổ phần sẽ bị giảm. Rủi ro pha loãng thu nhập sẽ được khắc phục khi công ty làm ăn tốt, hiệu quả sử dụng vốn cao.

5.2 Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Chỉ số giá trị sổ sách mỗi cổ phần (BVPS) có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần đã phát hành – cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm 30/06/2020, giá trị sổ sách của Công ty là 14.088 đồng/cổ phiếu. Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (tối đa là 5,81% và giả sử không thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

6. Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

7. Rủi ro khác

Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, Việt Nam bắt đầu ghi nhận các ca bệnh mới sau gần 100 ngày không có các ca nhiễm mới trong cộng đồng. Các hoạt động nhằm phòng chống dịch tiếp tục được Chính phủ đẩy mạnh như hạn chế di chuyển, giãn cách xã hội,... ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã có những biện pháp đảm bảo điều kiện làm việc cho cán bộ công nhân viên như kiểm tra thân nhiệt, khử trùng khu vực làm việc thường xuyên, sát khuẩn,.. nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, đảm bảo tiến độ cung ứng hàng hóa với khách hàng.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Ông Bùi Minh Hải Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Thanh Nam Chức vụ: Tổng giám đốc

Ông Trần Hoa Tùng Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Đỗ Thị Hương Giang Chức vụ: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

Ông Nguyễn Quang Anh Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
- Điều lệ : Điều lệ của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua
- Vốn điều lệ : Là số vốn do tất cả các cổ đông góp
- Cổ phần : Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
- Cổ phiếu : Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần
- Người có liên quan : Là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:
 - Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
 - Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;
 - Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
 - Người quản lý doanh nghiệp;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.
 - Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật chứng khoán số 62/2010/QH 12 ngày 24/11/2010, Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Công ty/NHH : Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
- Điều lệ : Điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
- SBSI : Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers
- Giấy CNĐKKD : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- TGD : Tổng Giám đốc
- TSCĐ : Tài sản cố định
- Thuế TNDN : Thuế Thu nhập doanh nghiệp
- VSD : Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
- ĐVT : Đơn vị tính
- CBCNV : Cán bộ, công nhân viên
- HSX : Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- CBTT : Công bố thông tin
- NĐTNN : Nhà đầu tư nước ngoài

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI
- Tên tiếng Anh: HANOI PLASTIC JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính: Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại (84-24) 3875.6889
- Website: <http://www.hanoiplastics.com.vn/>
- Giấy CNĐKKD: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 07 tháng 7 năm 2020
- Tài khoản mở tại: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank) – Chi nhánh Hà Nội
- Số tài khoản 115000001403
- Vốn điều lệ **344.400.000.000 đồng** (Ba trăm bốn mươi bốn tỷ, bốn trăm triệu đồng)

- Logo



- Ngành nghề kinh doanh chính:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: <ul style="list-style-type: none">- Mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp như các phụ kiện trong công nghiệp xây dựng, các chi tiết nhựa trong công nghiệp điện tử viễn thông, công nghiệp sản xuất ô tô, xe máy, các sản phẩm ngành công nghiệp khác và các mặt hàng nhựa gia dụng	4669

STT	Tên ngành	Mã ngành
	- Mua bán các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và cung cấp cho các ngành công nghiệp khác	
2	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp như các phụ kiện trong công nghiệp xây dựng, các chi tiết nhựa trong công nghiệp điện tử viễn thông, công nghiệp sản xuất ô tô, xe máy, các sản phẩm ngành công nghiệp khác và các mặt hàng nhựa gia dụng - Sản xuất các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và cung cấp cho các ngành công nghiệp khác	3290 (Chính)
3	Sản xuất sản phẩm từ Plastic	2220

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội tiền thân là Xí nghiệp Nhựa Hà Nội trực thuộc Sở Công nghiệp Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24/01/1972 của UBND Thành phố Hà Nội. Sau gần 50 năm hoạt động và phát triển, hiện nay, Công ty đã trở thành một trong số ít doanh nghiệp Việt sớm lọt vào chuỗi sản xuất toàn cầu, hợp tác với các tên tuổi uy tín như Honda, Toyota, Samsung, Brother, LG, Panasonic,...

Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội:

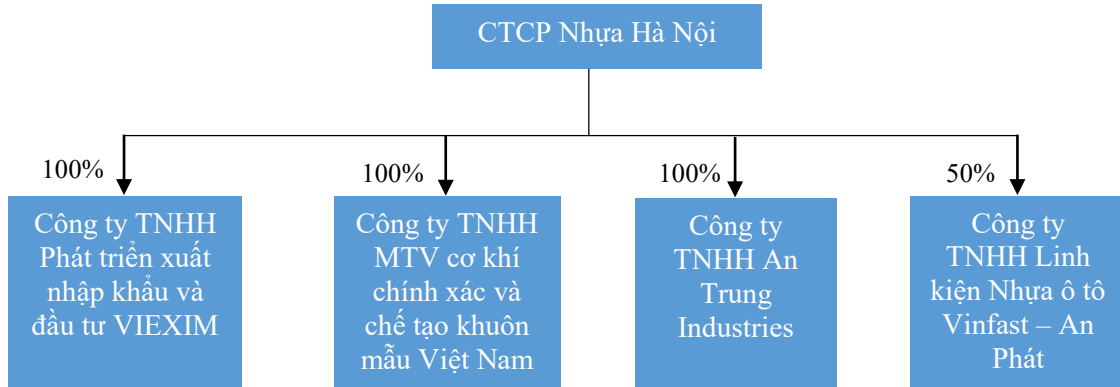
Thời gian	Quá trình phát triển của Công ty
• Tháng 8/1993	Xí nghiệp Nhựa Hà Nội được chuyển đổi thành Công ty Nhựa Hà Nội trực thuộc Sở Công Nghiệp Hà Nội theo Quyết định số 2977/QĐ-UB của UBND thành phố Hà Nội.
• Tháng 8/2005	Công ty Nhựa Hà Nội được chuyển đổi thành Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Nhựa Hà Nội theo quyết định số 126/2005/QĐ-UB của UBND thành phố Hà Nội.
• Tháng 11/2007	UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 4730/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Nhựa Hà Nội. Ngày 27/12/2007, Công ty đã tiến hành bán đấu giá cổ phần lần đầu

	<p>ra công chúng (IPO) tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.</p> <p>Kết quả chào bán như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Số lượng chào bán: 1.122.800 cổ phần- Giá khởi điểm chào bán: 10.300 đồng/cổ phần- Số lượng cổ phần chào bán thành công: 834.800 cổ phần- Giá đầu thành công bình quân: 27.958 đồng/cổ phần
• Tháng 9/2008	UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 761/QĐ-UBND về việc chuyển đổi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Nhựa Hà Nội thành Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội.
• Tháng 10/2008	Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103027615 (nay đổi thành số 0100100858) do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2008, với vốn điều lệ là 65.000.000.000 đồng (trong đó vốn thuộc sở hữu Nhà nước là: 53.112.000.000 đồng, chiếm 81,71% vốn điều lệ).
• Tháng 4/2017	Công ty trở thành công ty đại chúng (theo công văn số 2233/UBCK-GSDC ngày 25/04/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)
• Tháng 09/2017	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội với mã chứng khoán NHH đã chính thức giao dịch tại sàn Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
• Tháng 12/2017	Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội – Chủ sở hữu 5.311.200 cổ phần tại Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội đã thoái toàn bộ vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty bằng hình thức khớp lệnh trên Sàn Upcom.
• Tháng 2/2019	Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi vốn điều lệ là 168.000.000.000 đồng
• Tháng 8/2019	Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu thưởng cho CBCNV theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, nâng vốn điều lệ Công ty lên 344.400.000.000 đồng
• Tháng 12/2019	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội với mã chứng khoán NHH đã chính thức giao dịch tại Sàn Giao dịch chứng khoán Thành

phố Hồ Chí Minh (HSX) theo quyết định số 499/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu NHH.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Công ty

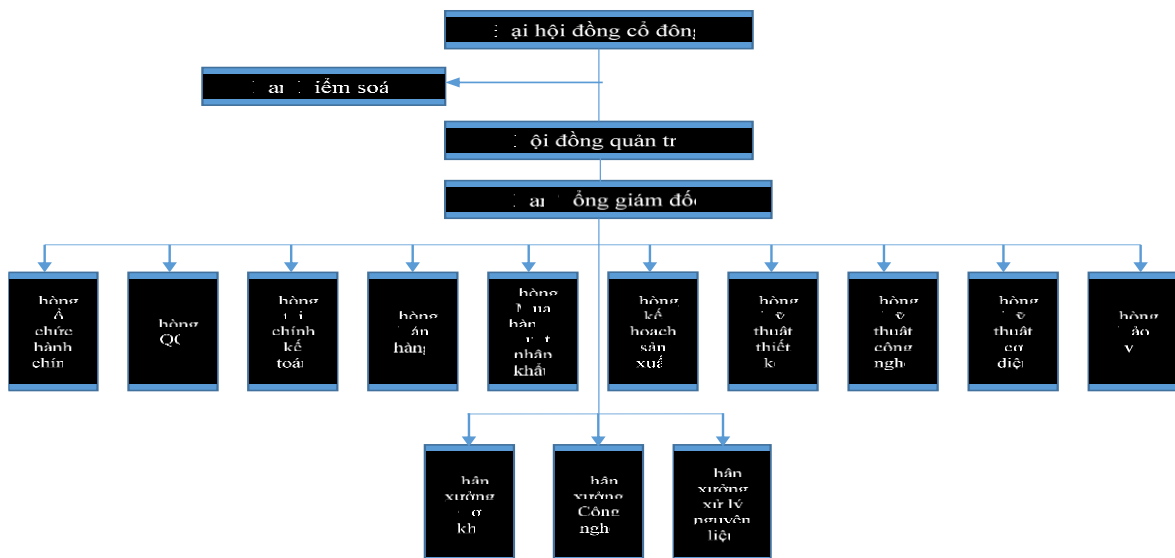


Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần được quy định tại Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan khác. Trải qua quá trình phát triển, bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu như sau:

Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

3.1. Đại Hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- + Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- + Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- + Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- + Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- + Quyết định số thành viên HĐQT;
- + Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị (HĐQT)

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty có 06 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- + Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- + Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- + Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc;
- + Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- + Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- + Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- + Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể công ty;
- + Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay gồm 05 thành viên, cụ thể như sau:

Ông Bùi Minh Hải	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Thanh Nam	Thành viên HĐQT

Ông Mẫn Chí Trung	Thành viên HĐQT
Ông Lim Heon Young	Thành viên HĐQT
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT

3.3. Ban Kiểm soát (BKS)

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- + Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- + Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- + Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- + Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Cơ cấu Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay gồm ba (03) thành viên, cụ thể như sau:

Ông Trần Hoa Tùng	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Bùi Văn Hương	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Tạ Phúc Tâm	Thành viên Ban Kiểm soát

3.4. Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD)

Tổng giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- + Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- + Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- + Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- + Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- + Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- + Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
- + Tuyển dụng lao động;
- + Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- + Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc của Công ty hiện nay như sau:

Ông Bùi Thanh Nam	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Thanh Hiền	Phó Tổng giám đốc
Ông Mẫn Chí Trung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Hương Giang	Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính

3.5. Các ban chức năng

Các phòng, ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.

Phòng tổ chức hành chính

Phòng tổ chức hành chính là đơn vị chức năng thuộc Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Ban TGD. Ban thực hiện các chức năng chính như sau:

- + Tuyển dụng, đánh giá và đào tạo nguồn nhân lực;
- + Lập kế hoạch và triển khai đảm bảo các chế độ đối với người lao động: lương, thưởng, ăn công nghiệp, nâng bậc, khám sức khỏe, trang bị bảo hộ lao động, ốm,...;
- + Quản lý cơ sở hạ tầng và công cụ dụng cụ văn phòng;
- + Đảm bảo công tác hành chính, môi trường, 5S, ISO, công văn;
- + Đảm bảo cơ sở vật chất của công ty: Đất đai, nhà xưởng, thiết bị khác;
- + Phụ trách các công tác về nhân sự, xây dựng tiền lương, sức khỏe, môi trường, ăn uống, ISO, 5S, các giấy tờ đi đến, văn phòng phẩm, tiếp khách và các nhiệm vụ khác được giao.

Phòng Tài chính kế toán

Phòng Tài chính kế toán trực thuộc Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội có các chức năng, nhiệm vụ chính như sau:

- + Phụ trách công tác tài chính, kế toán của Công ty.
- + Tham mưu cho lãnh đạo Công ty và tổ chức thực hiện các mặt công tác sau:

- + Hạch toán kế toán kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản, vốn chủ sở hữu, nợ phải trả; các hoạt động thu, chi tài chính và kết quả kinh doanh theo quy định nội bộ của Công ty, đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động kinh doanh.
- + Lập kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính của Công ty.
- + Tham mưu cho Lãnh đạo đơn vị chỉ đạo và thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý và chấp hành chế độ tài chính - kế toán của Nhà nước và nội bộ tại Công ty.
- + Thường xuyên kiểm tra, đối chiếu tình hình công nợ, xác định và phân loại các khoản nợ tồn đọng, phân tích khả năng thu hồi để có biện pháp xử lý kịp thời;
- + Quản lý tiền mặt và các chi phí phục vụ sản xuất, quan hệ giao dịch với ngân hàng, tổ chức tài chính, chi trả lương cho cán bộ công nhân viên, tính toán lỗ lãi, bảo toàn vốn của Công ty.

Phòng Kế hoạch sản xuất

Phòng Kế hoạch – sản xuất có chức năng, nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất tuần, tháng, năm, điều độ và tổ chức quản lý sản xuất, giao hàng, kết nối công ty con. Lập và giám sát Kế hoạch tổng thể triển khai sau khi ký hợp đồng.

Phòng Mua hàng – xuất nhập khẩu:

Quản lý mua vật tư, nguyên liệu, thiết bị, khuôn mẫu. Quản lý kho vật tư – Bán phẩm, quản lý nhà cung cấp, làm công tác xuất nhập khẩu cả vật tư - hàng hóa

Phòng Bán hàng

Phòng Bán hàng có chức năng chính là quản lý bán hàng (bao gồm cả nội địa – xuất nhập khẩu), lập và quản lý giá - kết nối công ty con, marketing, quản lý khách hàng, quản lý kho thành phẩm.

Phòng Kỹ thuật thiết kế

Phòng Kỹ thuật thiết kế phụ trách công tác quản lý kỹ thuật về khuôn mẫu, cụ thể như sau:

- + Tổ chức triển khai thiết kế khuôn;
- + Lập phương án đối với sự cố khuôn lớn;
- + Quản lý khuôn;
- + Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới;
- + Đào tạo mới và đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động;
- + Quản lý công tác kỹ thuật công nghệ sản xuất nhựa.

Phòng Kỹ thuật công nghệ

- + Tham gia nghiên cứu, chế thử sản phẩm mới;

- + Xây dựng tiêu chuẩn quản lý công đoạn sản xuất, quy trình công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm, dụng cụ phục vụ sản xuất, định mức lao động, định mức nguyên vật liệu, đảm bảo sản xuất ổn định;
- + Xác minh các khiếu nại về chất lượng của khách hàng, truy tìm nguyên nhân và đưa ra hành động khắc phục phòng ngừa;
- + Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và hướng dẫn các đơn vị thực hiện công tác chất lượng;
- + Đào tạo mới và đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động.

Phòng Kỹ thuật cơ điện

- + Quản lý máy, thiết bị; quản lý và thực hiện công tác kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt, thiết bị đo;
- + Đảm bảo vận hành và quản lý việc cấp điện năng toàn Công ty;
- + Quản lý công tác cải tiến kỹ thuật, sáng kiến, quy trình quy phạm kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động;
- + Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị; chế tạo Jig, dưỡng, công cụ sản xuất;
- + Đào tạo mới và đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động.

Phòng Bảo vệ

- + Đảm bảo công tác bảo vệ an toàn tài sản, an ninh, phòng cháy chữa cháy và yêu cầu an toàn khác;
- + Đảm bảo công tác quốc phòng, chính sách hậu phương quân đội và luật nghĩa vụ quân sự, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên;
- + Kiểm soát việc xuất nhập hàng hóa, sản phẩm, tài sản, ... ra vào Công ty đúng quy định.

Phòng QC

- + Kiểm tra, giám sát, thống kê lỗi, phân tích tình hình chất lượng vật tư đầu vào, sản phẩm trong và sau quá trình sản xuất;
- + Kết hợp với các đơn vị nhằm khắc phục, giải quyết, phòng ngừa các vấn đề về chất lượng sản phẩm;
- + Quản lý thiết bị đo kiểm, mẫu sản phẩm, dạng mẫu lỗi và thực hiện đào tạo kiểm soát lỗi.

Phân xưởng cơ khí

- + Lập kế hoạch và triển khai lập trình, gia công, chế tạo khuôn;
- + Sửa chữa khuôn sự cố nhỏ;

- + Quản lý thiết bị, lao động, vật tư, khuôn và bảo đảm vận hành máy, thống kê giờ máy theo đúng quy định của Công ty.

Phân Xưởng xử lý nguyên liệu

- + Tổ chức triển khai kế hoạch tạo nguyên liệu đảm bảo kế hoạch sản xuất đảm bảo thời gian và chất lượng;
- + Quản lý thiết bị, lao động, vật tư, sản phẩm và thực hiện việc vận hành máy, sản xuất thanh quyết toán theo đúng quy định của Công ty;
- + Thực hiện việc đóng, kiểm hàng giao theo kế hoạch sản xuất;
- + Quản lý Tổ vận chuyên/Giao hàng: Tổ chức vận chuyên nội bộ và bốc xếp xuất nhập hàng hóa - vật tư, giao hàng cùng lái xe tới khách hàng;
- + Quản lý và phân loại đê xê, xử lý băm chặt đảm bảo quay vòng sử dụng cho Phân xưởng công nghệ.

Phân xưởng công nghệ:

- + Tổ chức triển khai kế hoạch sản xuất trên các thiết bị gia công ép phun nhựa và công đoạn lắp ráp, hoàn thiện sản phẩm đảm bảo thời gian và chất lượng;
- + Quản lý thiết bị, lao động, vật tư, sản phẩm và thực hiện việc tháo lắp khuôn, vận hành máy, thanh quyết toán theo đúng quy định của Công ty;
- + Triển khai xác lập tài liệu kỹ thuật với các sản phẩm đã sản xuất đại trà.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty

Bảng 1. Danh sách cổ đông lớn của Công ty tại 28/07/2020

STT	Tên	Nơi đăng ký HKTT đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Lô CN11 - CN12, cụm Công Nghiệp An Đồng, Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	19.000.000	190.000.000.000	55,17%

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Bảng 2. Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn

STT	Tên	CMND/Hộ chiếu/ GCN ĐKKD	Chức vụ/Quan hệ	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu Công ty tại 28/7/2020
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings				
1.1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Giấy ĐKKD số 0800373586 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/03/2007	Công ty con	Lô CN 11 – CN 12, cụm Công Nghiệp An Đồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	-
1.2	Công ty Cổ phần An Tiến Industries	Giấy ĐKKD số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009	Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua tỷ lệ biểu quyết	Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	-
1.3	Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát	Giấy ĐKKD số 0801225485 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 27/10/2017	Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua tỷ lệ biểu quyết	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	-
1.4	Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1	Giấy ĐKKD số 0801298395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương Cấp lần đầu ngày 25/09/2019.	Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua tỷ lệ biểu quyết	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	-
1.5	An Thanh Bicol Singapore PTE, Ltd	Giấy ĐKKD số 201720061M tại Singapore	Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua tỷ lệ biểu quyết	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore	-

STT	Tên	CMND/Hộ chiếu/ GCN ĐKKD	Chức vụ/Quan hệ	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu Công ty tại 28/7/2020
1.6	Công ty cổ phần An Thành Bisco	Giấy ĐKKD số 0801208793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương cấp lần đầu ngày 22/03/2017	Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua tỷ lệ biểu quyết	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	-
1.7	Công ty cổ phần Liên Vạn An Tín	Giấy ĐKKD số 0801177672 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương cấp lần đầu ngày 16/03/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 02/08/2018	Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua tỷ lệ biểu quyết	Số 64.22 đường Phạm Hùng, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	-
1.8	Phạm Ánh Dương	CMND số 012144877 do CA Hà Nội cấp ngày 8/6/2007	Chủ tịch HĐQT	Tổ 49, TT Viện Khoa học Việt Nam, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	-
1.9	Nguyễn Lê Trung	CMND số 013164787 do CA Hà Nội cấp ngày 19/03/2009	Phó Chủ tịch HĐQT	Số 3, ngõ 39, Nguyễn Phúc Lai, Đống Đa, Hà Nội	-
1.10	Phạm Hoàng Việt	CMND số 001081010137 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG dân cư cấp ngày 21/10/2015	Phó Chủ tịch HĐQT	Tổ 49, TT Viện Khoa học Việt Nam, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	-
1.11	Đình Xuân Cường	CMND số 011976518 do CA Hà Nội cấp ngày 6/6/2008	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	31/115, Trần Cung, Hà Nội.	-
1.12	Phạm Đỗ Huy Cường	CCCD số 025083000297 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG dân cư cấp ngày 29/02/2016	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD kiêm Giám đốc Tài chính	TT XN Ô tô số 3, Tổ 7, Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	-

STT	Tên	CMND/Hộ chiếu/ GCN ĐKKD	Chức vụ/Quan hệ	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu Công ty tại 28/7/2020
1.13	Nguyễn Thị Tiệp	CMND số 142275774 do CA Hà Nội 31/12/2017	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD phụ trách nội chính	Chung cư An Bình City - 232 Phạm Văn Đồng, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội	-
1.14	Nirav Sudhir Patel	Hộ chiếu số 499632202 cấp ngày 29/01/2013 tại Hoa Kỳ	Thành viên HĐQT	Số 6034, Đường Franklin Park, Thành phố Mclean, Bang Virginia, VA 22101, Hoa Kỳ	-

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

4.2. Cơ cấu cổ đông

Bảng 3. Cơ cấu cổ đông tại 28/07/2020

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ trên vốn điều lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	275	34.403.020	99,8926
<i>Cổ đông tổ chức</i>	<i>5</i>	<i>20.003.712</i>	<i>58,0827</i>
<i>Cổ đông cá nhân</i>	<i>270</i>	<i>14.399.308</i>	<i>41,8098</i>
II. Cổ đông nước ngoài	06	36.980	0,1074
<i>Cổ đông tổ chức</i>	<i>03</i>	<i>30.670</i>	<i>0,0891</i>
<i>Cổ đông cá nhân</i>	<i>03</i>	<i>6.310</i>	<i>0,0183</i>
III. Cổ phiếu quỹ	0	00	0
Tổng cộng	281	34.440.000	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

5. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con và những Công ty mà Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

5.1. Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Địa chỉ : Lô CN 11 – CN 12, cụm CN An Đồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ : 1.466.773.390.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 31/03/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 07/07/2020
- HĐKD chính : Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật)
- Tỷ lệ lợi ích tại NHH : 55,17%
- Tỷ lệ biểu quyết tại NHH : 55,17%

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2019

- Doanh thu thuần : 1.232.753.514.188 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 56.710.772.845 đồng

5.2. Công ty con của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

a. Công ty con sở hữu trực tiếp

Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư Viexim

- Tên Công ty : Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM
- Địa chỉ : Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Vốn điều lệ : 20.700.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 0900259855 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 10/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29/04/2020.

- HĐKD chính : Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa
- Tỷ lệ lợi ích của NHH : 100%
- Tỷ lệ biểu quyết của NHH : 100%

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

- Doanh thu thuần : 224.398.287.809 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 16.595.602.509 đồng

Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam

- Tên Công ty : Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam
- Địa chỉ : KCN Kỹ thuật cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 0801277109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17/01/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26/02/2020.
- HĐKD chính : Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
- Tỷ lệ lợi ích của NHH : 100%
- Tỷ lệ biểu quyết của NHH : 100%

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

- Doanh thu thuần : 883.269.735 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : (569.293.314) đồng

Công ty TNHH An Trung Industries

- Tên Công ty	: Công ty TNHH An Trung Industries
- Địa chỉ	: KCN Kỹ thuật cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ	: 90.000.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD	0801246654 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 28/03/2018, thay đổi lần thứ 6 ngày 21/02/2020

- HĐKD chính	: Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa
- Tỷ lệ lợi ích của NHH	: 100%
- Tỷ lệ biểu quyết của NHH	: 100%
Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019	
- Doanh thu thuần	: 156.476.036.835 đồng
- Lợi nhuận sau thuế	: (7.509.833.254) đồng

Vào ngày 05/04/2019, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đã hoàn tất việc mua 8.000.000 cổ phần phát hành riêng lẻ của Công ty An Trung với giá bằng mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, tương đương với 88,89% tổng số cổ phần của Công ty này. Theo đó, Công ty An Trung trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội kể từ ngày này. Đến ngày 26/08/2019, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đã thông qua việc nhận chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần An Trung Industries từ các cổ đông hiện hữu với giá bằng mệnh giá là 10.010 đồng/cổ phần. Số cổ phần Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội sở hữu tại Công ty An Trung sau khi nhận chuyển nhượng là 9.000.000 cổ phần, chiếm 100% tổng vốn điều lệ của An Trung, và Công ty Cổ phần An Trung Industries sẽ chuyển đổi loại hình sang Công ty TNHH MTV do Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội sở hữu 100%.

5.3. Công ty liên doanh, liên kết

Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nhựa Ô tô Vinfast

- Tên Công ty : Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nhựa Ô tô Vinfast
- Địa chỉ : Tổ hợp sản xuất ô tô VinFast, khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, Hải Phòng
- Vốn điều lệ : 208.000.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 0201914211 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp, đăng ký lần thứ nhất ngày 28/11/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15/05/2019
- HĐKD chính : Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe
- Tỷ lệ lợi ích của NHH : 50%
- Tỷ lệ biểu quyết của NHH : 50%

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

- Doanh thu thuần : 62.248.046.934 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : (14.704.449.810) đồng

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

6.1. Quá trình tăng vốn

Kể từ khi thành lập đến nay Công ty đã thực hiện 02 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các nhà máy như sau:

Bảng 4. Quá trình tăng vốn điều lệ

Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm (nghìn đồng)	VĐL (thực góp) sau tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận phát hành tăng vốn	Căn cứ pháp lý
28/01/2019	103.000.000	168.000.000	Phát hành 6.500.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Phát hành thêm 3.800.000 cổ phiếu giá 30.000 đồng/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	UBCKNN	- Nghị quyết số 42/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2018; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 55/GCN-UBCK ngày 16/10/2018; - Nghị quyết số 29/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/03/2020.
12/08/2019	176.400.000	344.400.000	Phát hành 16.800.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Phát hành 840.000 cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty.	UBCKNN	- Công văn số 4518/UBCK - QLCB ngày 26/07/2019 của UBCKNN về việc phát hành cổ phiếu thưởng theo ESOP và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Chi tiết từng đợt tăng vốn

Đợt 01: Ngày 28/01/2019	Nội dung chi tiết
Vốn điều lệ trước phát hành:	65.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ sau phát hành:	168.000.000.000 đồng
Tỷ lệ phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:	1:1
Tỷ lệ phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền:	65:38
Tổng số lượng cổ phần phát hành:	10.300.000 cổ phần
– Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:	6.500.000 cổ phần
– Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền:	3.800.000 cổ phần
Phương thức tăng vốn	Phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu - Số lượng phát hành: 6.500.000 cổ phiếu - Tỷ lệ phân bổ quyền: 1:1 - Số lượng cổ đông được phát hành: 162 cổ đông
	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền - Số lượng phát hành: 3.800.000 cổ phiếu - Tỷ lệ quyền mua: 65:38 - Giá phát hành: 30.000 đồng/cổ phần - Số lượng cổ đông được phát hành: 66 cổ đông
Cơ quan chấp thuận phát hành:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Mục đích sử dụng vốn:	Mua cổ phần do Công ty Cổ phần An Trung Industries phát hành. Bổ sung vốn lưu động: mua nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh

Đợt 2: Ngày 12/08/2019	Nội dung chi tiết
Vốn điều lệ trước phát hành:	168.000.000.000
Vốn điều lệ sau phát hành:	344.400.000.000
Tỷ lệ phát hành cho cổ đông hiện hữu:	1:1
Tổng số lượng cổ phần phát hành:	17.640.000 cổ phần
- Phát hành cho cổ đông hiện hữu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:	16.800.000 cổ phần
- Phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên theo chương trình ESOP:	840.000 cổ phần
Phương thức tăng vốn:	<p>Phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng phát hành: 16.800.000 cổ phiếu - Tỷ lệ phân bổ quyền: 1:1 - Số lượng cổ đông được phát hành: 206 cổ đông <p>Phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng phát hành: 840.000 cổ phiếu - Số lượng cổ đông được phát hành: 2 cổ đông
Cơ quan chấp thuận phát hành:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Mục đích sử dụng vốn:	<p>Tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.</p> <p>Giữ lại một phần lợi nhuận để bổ sung nguồn vốn kinh doanh.</p> <p>Ghi nhận giá trị đóng góp của người lao động tại Công ty, tạo động lực cho cán bộ quản lý, người lao động trong việc phát triển sản xuất cho Công ty.</p> <p>Thu hút lao động có trình độ cao, tạo sự gắn bó và gắn kết lợi ích người lao động với lợi ích Công ty.</p>

6.2. Ý kiến của kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ các đợt chào bán gần nhất

Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC

Ý kiến của Kiểm toán viên: Báo cáo vốn chủ sở hữu đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tăng giảm nguồn vốn của chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 8 năm 2019 đến ngày 04 tháng 9 năm 2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo vốn chủ sở hữu.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ như: phụ tùng ô tô, xe máy cung cấp cho Toyota Việt Nam, Honda Việt Nam, Piaggio Việt Nam, VMEP; linh kiện điện - điện tử, xây dựng cung cấp cho Panasonic, KORG Việt Nam và xuất khẩu sang Nhật Bản, Italia; cung cấp các hộp nhựa, pallet công nghiệp cho các ngành sản xuất công nghiệp trong nước; chế tạo khuôn mẫu cho ngành nhựa. Hiện tại Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội có 04 nhà máy hiện đang hoạt động sản xuất và 01 nhà máy liên doanh, cụ thể như sau:

Bảng 5. Tổng sản lượng tại các nhà máy của Công ty

TT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	6 tháng 2020
1	Sản phẩm nhựa	Kg	9.541.944	10.671.607	4.084.001
2	Khuôn	Cái	13	33	48

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Nhà máy 1: Nhà máy tại Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội



Chủ đầu tư: Công ty Cổ Phần Nhựa Hà Nội

Vị trí nhà máy: Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP. Hà Nội

Diện tích khu đất xây dựng nhà máy: 23.126 m².

Quy mô sản xuất và kinh doanh: Sản xuất các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp phụ trợ như: phụ tùng ô tô, xe máy; phụ kiện ngành điện tử viễn thông; phụ kiện ngành xây dựng; phụ kiện cho sản phẩm điều hòa; ...

Năm chính thức đi vào hoạt động: 1972

Quy mô của nhà máy: Hiện nhà máy có khoảng 65 máy ép nhựa; 10 trung tâm gia công khuôn

Công suất thiết kế: 6.000 tấn sản phẩm/năm

Công suất hoạt động hiện nay: 80%

Nhà máy của NHH với 3 phân xưởng chính: Phân xưởng Xử lý nguyên liệu; Phân xưởng Cơ khí và Phân xưởng Công nghệ.

- + Phân xưởng Xử lý nguyên liệu: Nhiệm vụ chủ yếu của phân xưởng Xử lý nguyên liệu là thực hiện công nghệ sản xuất tạo hạt nguyên liệu, phục vụ sản xuất sản phẩm nhựa của Công ty. Bên cạnh đó, phân xưởng sẽ luôn đảm bảo mọi quy trình sản xuất trong giai đoạn này phải đáp ứng tiêu chuẩn của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 và hệ thống quản lý môi trường TCVN ISO 14000
- + Phân xưởng Cơ khí: Đây là phân xưởng tổ chức triển khai công tác gia công chế tạo khuôn, sửa chữa và bảo dưỡng khuôn mẫu theo yêu cầu của các đơn vị liên quan, lắp đặt thiết bị sản xuất theo đúng tiến độ, kế hoạch của Công ty.
- + Phân xưởng Công nghệ: Tại phân xưởng này, các kế hoạch sản xuất của công ty được thực hiện chính xác trên các máy gia công sản phẩm nhựa đồng thời lắp ráp, hoàn thiện sản phẩm đảm bảo thời gian và chất lượng cao nhất theo yêu cầu của khách hàng.

Bảng 6. Sản lượng tại nhà máy NHH

TT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	6 tháng 2020
1	Sản phẩm nhựa	Kg	7.879.661	6,908,683	2,413,609
2	Khuôn	Cái	13	33	18

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Nhà máy 02: Nhà máy tại Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM (Nhà máy Viexim)



Chủ đầu tư: Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM

Vị trí nhà máy: Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Diện tích khu đất xây dựng nhà máy: 23.089 m². Quy mô sản xuất và kinh doanh: Sản xuất các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp phụ trợ như: phụ tùng ô tô, xe máy; phụ kiện ngành điện tử viễn thông; phụ kiện ngành xây dựng; phụ kiện cho sản phẩm điều hòa;...

Năm chính thức đi vào hoạt động: 2012

Quy mô của nhà máy: Hiện nhà máy có khoảng 50 máy ép nhựa

Công suất thiết kế: 3.000 tấn sản phẩm/năm

Công suất hoạt động hiện nay: 85%

Nhà máy VIEXIM cũng có 2 phân xưởng chính: Phân xưởng Xử lý nguyên liệu và Phân xưởng Công nghệ.

Bảng 7. Sản lượng tại nhà máy VIEXIM

TT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	6 tháng 2020
1	Sản phẩm nhựa	Kg	1.662.283	3.146.746	1.270.190

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Nhà máy 03: Nhà máy tại Công ty TNHH An Trung Industries (Nhà máy An Trung Industries)



Chủ đầu tư: Công ty TNHH An Trung Industries

Vị trí nhà máy: Khu Công Nghiệp kỹ thuật Cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Diện tích khu đất xây dựng nhà máy: 18.438 m².

Quy mô sản xuất và kinh doanh: Sản xuất các sản phẩm nhựa cho ngành điện – điện tử; các sản phẩm nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn như: dao, thìa, đĩa, ống hút,...

Năm chính thức đi vào hoạt động: Quý III/2019

Quy mô của nhà máy: Hiện nhà máy có khoảng 40 máy ép nhựa

Công suất thiết kế: 1.000 tấn sản phẩm/năm

Công suất hoạt động hiện nay: 31%

Bảng 8. Sản lượng tại nhà máy An Trung Industries

TT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2019	6 tháng 2020
1	Sản phẩm nhựa cho ngành điện – điện tử	Kg	206.346	158.382

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Nhà máy 04: Nhà máy tại Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (VMC)

Chủ đầu tư: Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam

Vị trí nhà máy: Khu Công Nghiệp kỹ thuật Cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Diện tích khu đất thuê: 3.200 m².

Quy mô sản xuất và kinh doanh: Sản xuất khuôn mẫu phục vụ ngành nhựa.

Năm chính thức đi vào hoạt động: quý IV/2019

Quy mô của nhà máy: Hiện nhà máy có khoảng 10 trung tâm gia công

Công suất thiết kế: 80 bộ khuôn/năm

Công suất hoạt động hiện nay: 75%

Bảng 9: Sản lượng tại nhà máy VMC

TT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2019	6 tháng 2020
1	Khuôn	Cái	-	30

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Nhà máy liên doanh: Nhà máy tại Công ty TNHH Linh kiện Nhựa Vinfast – An Phát (VAPA)



Chủ đầu tư: Công ty TNHH Linh kiện Nhựa Vinfast – An Phát

Hình thức đầu tư: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội nắm giữ 50% vốn góp và Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh Vinfast nắm giữ 50%.

Tổng vốn đầu tư: 208 tỷ đồng

Vị trí nhà máy: Tổ hợp sản xuất ô tô VinFast, khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, Hải Phòng

Diện tích khu đất xây dựng nhà máy: 17.949 m².

Quy mô sản xuất và kinh doanh: Sản xuất các phụ tùng, linh kiện nhựa cho việc sản xuất ô tô, xe máy của VinFast và các đối tác khách hàng khác như Vsmart, Hyundai....

Năm chính thức đi vào hoạt động: 2018

Quy mô của nhà máy: 500 lao động

Công suất thiết kế: 18.545.148 sản phẩm/năm (khoảng 1.000 tấn sản phẩm/năm)

Công suất hoạt động hiện nay: 25%

Bảng 10. Sản lượng tại Nhà máy VAPA

TT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2019	6 tháng 2020
1	Sản phẩm nhựa cho phụ tùng ô tô – xe máy,...	Kg	355.832	241.820

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Một số hình ảnh sản phẩm của Công ty

Sản phẩm	Khách hàng
<p>Linh kiện ô tô, xe máy</p> 	
<p>Linh kiện điều hòa, tủ lạnh, máy giặt</p> 	

<p>Linh kiện nhựa điện thoại, điện gia dụng</p> 	
<p>Phụ kiện đường ống, các bộ phận điện tử và ngành xây dựng</p> 	

7.2. Cơ cấu doanh thu

Doanh thu hợp nhất của Công ty đến từ 03 hoạt động kinh doanh chính cụ thể:

- + Sản xuất và bán các thành phẩm nhựa – sản phẩm do Công ty và Công ty con sản xuất bao gồm: sản phẩm phụ tùng ô tô, xe máy; phụ kiện ngành điện tử viễn thông, phụ kiện cho sản phẩm điều hòa,...
- + Kinh doanh thương mại hạt nhựa;
- + Cung cấp dịch vụ cho thuê và sửa chữa khuôn.

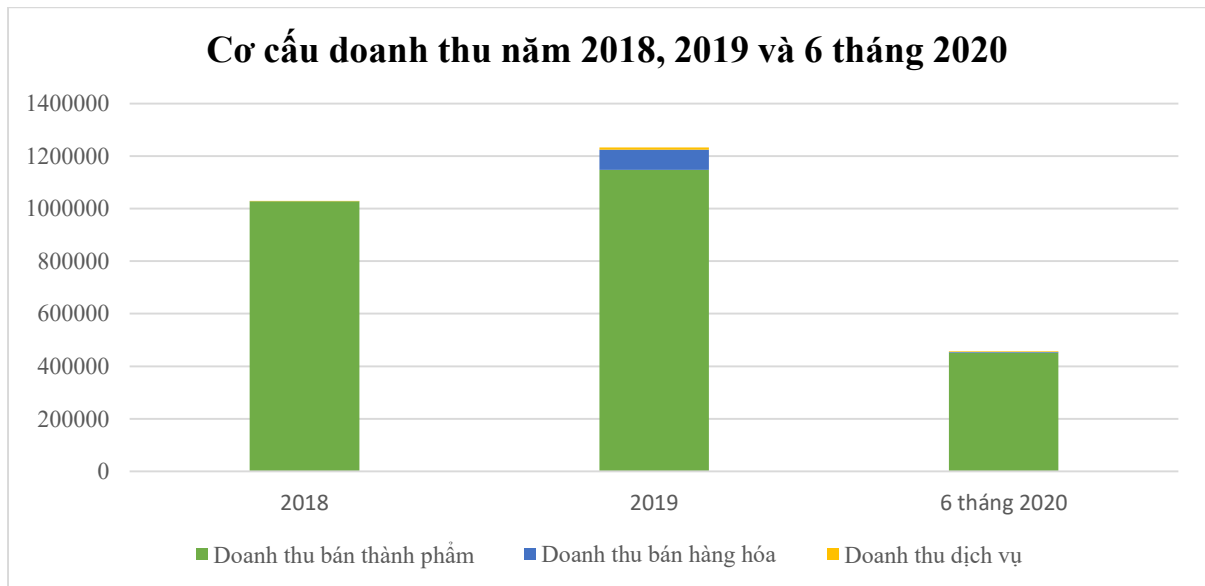
Trong đó, sản xuất bán thành phẩm là hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn nhất, lên đến 93% tổng doanh thu.

Bảng 11. Doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh

TT	Chi tiết	2018		2019		6 tháng 2020	
		Giá trị (triệu VNĐ)	% doanh thu	Giá trị (triệu VNĐ)	% doanh thu	Giá trị (triệu VNĐ)	% doanh thu

1	Doanh thu bán hàng hóa	-	-	76.454	6,2%	3.341	0,73
2	Doanh thu bán thành phẩm	1.027.972	99,86	1.147.313	93,09%	451.482	98,71
3	Doanh thu dịch vụ	1.408	0,14	8.771	0,71%	2.575	0,56
	Tổng cộng	1.029.381	100%	1.232.538	100%	457.398	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất bán niên 2020 đã được soát xét



7.3. Chi phí sản xuất

Sản phẩm của Công ty thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ nên có yêu cầu chất lượng cao, đảm bảo các tính năng và công năng theo yêu cầu từ các thương hiệu lớn. Do vậy, nguyên liệu nhựa được sử dụng sản xuất sản phẩm đều có xuất xứ rõ ràng và là nhựa kỹ thuật có tiêu chuẩn cao, phần lớn trong nước chưa sản xuất được. Công ty nhập khẩu các loại nhựa PP Copolymer, ABS, PC/ABS, PA66, PP 20GF, PP 30GF, PA6 20-50GF, PA66 30GF, PC, AS, TPO, TPE, PPS... từ các nước tiên tiến như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Malaysia, Thái Lan ... và nhựa PVC (F), uPVC của công ty FDI tại Việt Nam.

Nguồn nguyên liệu thép cho chế tạo khuôn cũng đều được nhập khẩu từ các thương hiệu lớn như Hitachi, Daio (Nhật Bản), ASSAB (Thụy Điển), THYSENKRUPP (Đức), đảm bảo chất lượng thép không rỉ, có độ bóng cao, độ cứng phù hợp. Phụ tùng cho khuôn cũng đều nhập phụ tùng tiêu chuẩn từ các hãng nổi tiếng như Mitsumi (Nhật Bản), YUDO (Hàn Quốc).

Bảng 12: Chi phí sản xuất năm 2018, 2019 và 6 tháng 2020

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		6 tháng 2020	
		Giá trị (triệu đồng)	% doanh thu thuần	Giá trị (triệu đồng)	% doanh thu thuần	Giá trị (triệu đồng)	% doanh thu thuần
I	Doanh thu thuần	1.029.380		1.232.538		457.199	
II	Chi phí	973.903	94,61%	1.178.174	95,59%	440.991	96,45%
	Giá vốn hàng bán	892.468	86,78%	1.073.515	87,10%	389.447	85,18%
	Chi phí tài chính	937	0,09%	15.989	1,3%	17.565	3,84%
	Chi phí bán hàng	42.060	4,09%	36.099	2,93%	14.154	3,1%
	Chi phí quản lý	38.438	3,65%	52.571	4,26%	19.825	4,33%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC bán niên hợp nhất 2020 đã được soát xét

7.4. Hoạt động Marketing

Khách hàng của Công ty thường là những khách hàng lớn, truyền thống; do đó việc chăm sóc khách hàng rất được coi trọng. Trên website của Công ty luôn có nhân viên kinh doanh online, sẵn sàng trả lời các câu hỏi liên quan đến Công ty, đến các sản phẩm của Nhựa Hà Nội hay về tình hình trên thị trường của khách hàng. Bên cạnh đó, hoạt động Marketing còn quảng bá giới thiệu về Công ty chủ yếu thông qua các buổi giao thương, gặp gỡ giữa các doanh nghiệp được tổ chức bởi Trung tâm xúc tiến TM - Bộ công thương, Tổ chức Jestro Ngoài ra Công ty cũng tích cực tham gia các triển lãm trong và ngoài nước, gửi email và phát tờ rơi giới thiệu sản phẩm đến các doanh nghiệp để quảng bá hình ảnh công ty và tìm kiếm thêm khách hàng mới.

7.5. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Biểu tượng logo của Công ty:

Logo của công ty đã được đăng ký nhãn hiệu với Bộ Khoa học và Công nghệ.



Từ ngày 29/09/2018, Nhựa Hà Nội cùng các thành viên khác trong Tập đoàn An Phát chính thức ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới với sự thống nhất sử dụng một logo duy nhất. Logo

được thiết kế cách điệu từ chữ A, biểu tượng dẫn đầu và là chữ cái đầu tiên của thương hiệu An Phát. Hai màu xanh dương và màu xanh lá cây được sử dụng chủ đạo mang nhiều ý nghĩa. Màu xanh dương biểu trưng cho công nghệ, thể hiện xu hướng hội nhập của An Phát trong thời đại công nghệ số 4.0.

Trong logo có chứa một mũi tên đi lên đại diện cho khát vọng tiên lên phía trước, không ngừng nỗ lực của Công ty. Đặc biệt, logo mới có hình dạng ngọn núi, truyền tải thông điệp về định hướng trở thành chỗ dựa vững chắc, thúc đẩy và hỗ trợ các doanh nghiệp Việt, giúp nâng tầm ngành nhựa Việt Nam.

7.6. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 13. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Khách hàng	Tên hợp đồng	Sản phẩm	Giá trị sau thuế (triệu VNĐ)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện
1	Công ty Honda Việt Nam	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng ô tô, xe máy	660.575	16/06/2009	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên
2	Công ty TNHH Piaggio Việt Nam	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng xe máy	61.613	01/04/2014	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên
3	Công ty TNHH Panasonic Appliances tại Hưng Yên	Hợp đồng nguyên tắc	Linh kiện máy giặt	4.636	01/04/2016	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên
4	Công ty ô tô TOYOTA Việt Nam	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng ô tô	17.097	01/04/2012	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên, vẫn đang còn hiệu lực

TT	Khách hàng	Tên hợp đồng	Sản phẩm	Giá trị sau thuế (triệu VNĐ)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện
5	Nhà máy sx phụ tùng và lắp ráp xe máy – Công ty VMEP	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng xe máy	6.816	01/01/2017	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên
6	Công ty phụ tùng xe máy ô tô Goshi Thăng Long	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng xe máy	72.338	22/08/2006	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên
7	Công ty Honda Lock	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng xe máy	7.327	10/07/2010	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu
8	Công ty TNHH SX và kinh doanh Vinfast	Hợp đồng khung mua bán hàng hóa	Phụ tùng xe máy	1.705	31/06/2018	02 năm và tự động gia hạn
9	Công ty LGE	Hợp đồng mua bán tổng thể	Linh kiện máy giặt	35.588	01/01/2018	01 năm
10	Công Ty TNHH Elentec Việt Nam	Hợp đồng nguyên tắc	Linh kiện điện tử	137.097	01/07/2020	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên
11	Công ty TNHH Công nghiệp Brother Việt Nam	Hợp đồng mua bán	Thiết bị văn phòng máy in, máy fax, photo	3.264	23/01/2019	Tự gia hạn khi hết hạn
12	Công Ty TNHH Cơ Khí Chính xác, Dịch vụ và thương mại	Hợp đồng nguyên tắc	Thiết bị điện gia dụng	5.485	02/01/2019	01 năm và tự động gia hạn nếu vẫn còn nghĩa vụ đơn hàng
13	Công Ty TNHH ACE Antanne	Hợp đồng mua bán	Phụ tùng ăng ten	2.276	02/06/2019	01 năm và tự động gia hạn nếu

TT	Khách hàng	Tên hợp đồng	Sản phẩm	Giá trị sau thuế (triệu VND)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện
						không có yêu cầu từ các bên
14	Công Ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng xe máy	8.809	01/02/2019	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Lưu ý: Các hợp đồng nguyên tắc với các khách hàng lớn như Honda Việt Nam, Toyota Việt Nam, Panasonic System Network, Panasonic Appliance Hưng Yên, Piaggio, VMEP, Sanko... chỉ thể hiện Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội là nhà cung cấp thiết bị, linh kiện. Hàng năm, các khách hàng này đều có các đơn hàng cụ thể của năm theo kế hoạch phát triển thị trường tại Việt Nam. Lượng đặt hàng năm sau thường cao hơn năm trước do chính sách phát triển các model mới tại Việt Nam và tăng cường xuất khẩu. Các đối tác này luôn có kế hoạch đặt hàng ổn định và thanh toán đúng hạn theo thỏa thuận, không có nợ đọng.

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 14. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty Mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng trưởng	6 tháng năm 2020
Tổng giá trị tài sản	528.983	972.540	83,85%	945.652
Vốn chủ sở hữu	337.038	466.423	38,39%	467.038
Doanh thu thuần	1.085.755	1.204.188	10,91%	449.093
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	59.968	46.748	(22,05%)	10.053

Lợi nhuận khác	9.413	238	(97,47%)	19.282
Lợi nhuận trước thuế	69.385	46.986	(32,28%)	29.335
Lợi nhuận sau thuế	56.514	35.460	(37,25%)	26.335
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	16,77%	8,83%	(47,35%)	-

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC bán niên 2020 được soát xét
 Năm 2019, Công ty mẹ thu về hơn 1.200 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 10,9% so với năm 2018, lợi nhuận sau thuế đạt 35,4 tỷ đồng, giảm 37,25% so với năm 2018.

Theo Báo cáo giải trình gửi UBCKNN, năm 2019 lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm hơn 30% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân là do Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết mới hoạt động năm 2019, lợi nhuận khác giảm 8,2 tỷ đồng so với năm 2018. Bên cạnh đó, trong năm, Công ty cũng thực hiện tăng lương 2,9 tỷ đồng và tổ chức một số sự kiện nhằm quảng bá hình ảnh Công ty dẫn đến tăng chi phí gần 1 tỷ đồng.

Bảng 15. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng trưởng	6 tháng năm 2020
Tổng giá trị tài sản	527.071	1.150.970	118,37%	1.214.183
Vốn chủ sở hữu	341.497	491.633	43,96%	485.187
Doanh thu thuần	1.029.380	1.232.538	19,74%	457.199
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	60.607	71.223	17,52%	8.628
Lợi nhuận khác	9.434	1.155	(87,76%)	16.032
Lợi nhuận trước thuế	70.042	72.378	3,34%	24.661
Lợi nhuận sau thuế	55.833	56.710	1,57%	19.273
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	10%	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC bán niên hợp nhất 2020 được soát xét

Năm 2019, Tổng giá trị tài sản của Công ty tăng trưởng mạnh (tăng 118,37%) so với năm 2018 do trong năm Công ty thực hiện nhập mới 100% thiết bị chế tạo khuôn từ Nhật Bản với các thương hiệu nổi tiếng như Yasda, Makino, Fanuc... và đầu tư xây dựng nhà máy với mục tiêu tăng quy mô sản xuất linh kiện nhựa kỹ thuật, ngoài ra Công ty thực hiện đầu tư vào Công ty Vinfast- An Phát. Vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2019 cũng tăng hơn 40% so với năm 2018 do trong năm thực hiện hai lần tăng vốn từ 65 tỷ đồng lên 344,4 tỷ đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu và thực hiện chào bán cho cổ đông hiện hữu.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

a. Thuận lợi:

Các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mang đến nhiều cơ hội

- Theo các chuyên gia và doanh nghiệp nhựa, việc Việt Nam ký kết các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã mang đến nhiều cơ hội cho doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm từ nhựa. Các đối tác đang chuyển dần đơn hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam để tận dụng chi phí sản xuất rẻ và thuế xuất khẩu được hưởng nhiều ưu đãi. Đồng thời, nhu cầu nhập khẩu sản phẩm nhựa tại thị trường các nước châu Âu (EU), Nhật Bản vẫn ở mức cao, trong khi đó, khách hàng tại các quốc gia này ngày càng ưa thích sản phẩm nhựa Việt Nam.
- Cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung leo thang khiến cho nhiều doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm từ nhựa của Trung Quốc ngày càng tìm đến các nước trong khu vực Đông Nam Á để đầu tư nhằm tránh Mỹ đánh thuế cao nhóm mặt hàng này nhập từ Trung Quốc, trong đó Việt Nam được xem là một trong những điểm đến được chú ý.
- Giới kinh doanh dự báo khả năng sẽ có nhiều đơn hàng sản xuất mặt hàng này ở Trung Quốc chuyển sang Việt Nam thực hiện, đòi hỏi doanh nghiệp trong nước phải chuẩn bị để nắm bắt cơ hội.
- Đáng chú ý, nhiều công ty đa quốc gia sẽ phải đi gia công các sản phẩm để cung cấp cho các hệ thống bán lẻ của họ. Trước đây các tập đoàn này vốn đặt hàng gia công ở Trung Quốc, nhưng trong cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung sẽ dẫn đến sự chuyển dịch sang các nước khác, trong đó có Việt Nam. Điều này, đòi hỏi doanh nghiệp sản xuất ngành này phải mạnh dạn đầu tư, thay đổi công nghệ để đáp ứng tiêu chuẩn của nhà mua hàng.

Chính phủ đồng ý kiến nghị không tăng thuế nhập khẩu nguyên liệu nhựa PP

- Giữa tháng 11/2019 vừa qua, VPA nhận được công văn của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 125/2017/NĐ-CP, trong đó Bộ Tài chính đề xuất

điều chỉnh tăng thuế nhập khẩu đối với mặt hàng Polypropylen (hạt nhựa PP thuộc nhóm HS 3902) từ 3% lên 5%.

- Theo Hiệp hội nhựa Việt Nam (VPA), sau khi nhận được công văn kiến nghị của VPA, Bộ Tài chính đã có tờ trình Chính phủ đề xuất không tăng thuế nguyên liệu nhựa PP từ mức 3% lên 5% như cách đây vài tháng.
- Việc giữ nguyên mức thuế nguyên liệu nhựa PP sẽ được kéo dài đến năm 2022, khi các nhà máy sản xuất nguyên liệu trong nước đảm bảo nguồn cung trên 50% sản lượng nội địa.
- Theo ước tính của Hiệp hội Nhựa Việt Nam, cả nước có gần 2.000 doanh nghiệp nhựa tập trung chủ yếu tại thị trường phía Nam với trên 80%, miền Bắc chỉ chiếm 14%. Tuy vậy, xu hướng đầu tư xây dựng những nhà máy công nghiệp kỹ thuật, điện tử, ô tô tại miền Bắc, tiêu biểu là nhà máy xe ô tô Vinfast tại Hải Phòng với sản lượng trên 500.000 xe/năm, đẩy mạnh nhu cầu đối với ngành nhựa hỗ trợ tại Miền Bắc.

Tiềm lực của Công ty

- Công ty có uy tín và vị thế trong ngành nhựa Việt Nam, có kinh nghiệm nhiều năm sản xuất sản phẩm nhựa kỹ thuật cung cấp cho ngành công nghiệp hỗ trợ: ô tô, xe máy, điện, điện tử, điện lạnh, khuôn nhựa, ... cung cấp cho thị trường trong nước, xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Châu Âu.
- Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội có mạng lưới khách hàng rộng khắp, từ các Tập đoàn đa quốc gia toàn cầu như Honda, Toyota, Piaggio, LG, Panasonic, ... cho đến các doanh nghiệp lớn trong nước như Vinfast, Công ty Xích líp Đông Anh, ... Các khách hàng của Công ty phần lớn là các khách hàng lâu năm, đã có mối quan hệ hợp tác bền chặt với Công ty
- Đội ngũ cán bộ quản lý của công ty nhiệt tình, chuyên nghiệp, có nhiều kinh nghiệm, được rèn giũa đào tạo thông qua các đối tác Nhật Bản trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa và thiết kế, chế tạo khuôn nhựa. Lực lượng sản xuất trực tiếp có nhiều nhân viên, người lao động với trình độ tay nghề cao, chuyên cần, làm việc nghiêm túc, bài bản theo các phương thức quản lý sản xuất của các công ty Nhật Bản như quản lý 5S, TPS.
- Công ty có hệ thống máy móc thiết bị mới tiên tiến, hiện đại, đáp ứng các sản phẩm nhựa chất lượng cao và chi phí hợp lý với năng suất cao, phần đầu giá cạnh tranh.
- Về cơ sở hạ tầng, Công ty sở hữu 04 nhà máy lớn và 01 nhà máy liên doanh, có diện tích và trang thiết bị hiện đại phục vụ tốt. (Chi tiết nêu tại Mục 7.1)
- Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015 và ISO14001:2015 cập nhật hệ thống quản lý của các công ty Nhật Bản (Honda Việt Nam, Toyota Việt Nam ...)

b. **Khó khăn:**

Ngành nhựa điêu đứng vì sức mua thấp do COVID-19

Đầu năm 2020, dịch bệnh COVID-19 ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế thế giới, đặc biệt các mặt hàng xuất khẩu. Theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn thứ 4 sản phẩm nhựa của Việt Nam, kim ngạch 148,7 triệu USD, chiếm 4,3% tổng kim ngạch của xuất khẩu sản phẩm nhựa. Việc biên giới giữa Trung Quốc – Việt Nam đóng cửa để ngăn ngừa dịch bệnh lây lan gây thiệt hại không hề nhỏ. Không chỉ Trung Quốc, dịch bệnh bùng phát ở Hàn Quốc, Nhật Bản cũng khiến một số nhà máy sản xuất ô tô, xe máy tạm đóng cửa do bị gián đoạn chuỗi cung ứng các nguyên vật liệu từ Trung Quốc. Do đó, doanh thu xuất khẩu những mặt hàng linh kiện ô tô xe máy của NHH có thể bị ảnh hưởng lớn.

Thị trường ngành nhựa kỹ thuật cạnh tranh rất cao

- Cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt, đặc biệt các doanh nghiệp nước ngoài hiện nay đang dịch chuyển mua hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam do đó chính sách giá cả của Trung Quốc biến động tăng, song họ lại ép doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng giá rẻ như mục tiêu trước đây của họ tại Trung Quốc, gây bất lợi cho doanh nghiệp có quy mô, chuyên nghiệp, quản lý bài bản.
- Công ty luôn nhận thức được vấn đề này và đang áp dụng nhiều biện pháp để tăng cường tính cạnh tranh như áp dụng các quy trình quản trị chi phí, quản trị tài chính tiên tiến hiện nay để bảo toàn lợi nhuận, tạo ra lợi thế cạnh tranh về giá, hay duy trì chế độ kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt để nâng cao chất lượng sản phẩm.

Thị trường xe máy bão hòa, tỷ lệ nội địa hóa của ngành sản xuất ô tô còn thấp

- Sản phẩm chiếm tỷ trọng doanh thu lớn hiện nay của Công ty Nhựa Hà Nội là các chi tiết nhựa để lắp ráp xe máy. Tuy nhiên hiện nay thị trường xe máy đã bão hòa và định hướng của Chính phủ Việt Nam là hướng tới phát triển giao thông công cộng, hạn chế xe máy trong các thành phố lớn nên sức cầu mua của thị trường được dự báo sẽ giảm trong thời gian tới, do vậy công ty cũng đã phát triển thêm sản phẩm dao thìa đĩa sử dụng vật liệu tự hủy thân thiện với môi trường và đang tiếp cận để xuất khẩu sang thị trường Mỹ.
- Đối với sản phẩm nhựa cung cấp cho ngành ô tô thì chưa phát triển được nhiều bởi các khó khăn chậm nội địa hóa của các hãng xe lớn đã nêu ở phần rủi ro và ảnh hưởng của chính sách thuế nhập khẩu ô tô nguyên chiếc và linh kiện ô tô giảm theo lộ trình hội nhập thế giới, khiến giá sản phẩm nhựa nội địa hóa ô tô bị cạnh tranh rất gay gắt cả trong nước và nước ngoài.
- Sản phẩm cung cấp cho Công ty Honda Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu hàng năm của Công ty, do vậy khi chính sách mua hàng của đối tác thay đổi sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

- Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh theo ngành công nghiệp hỗ trợ, nhờ có thâm niên hoạt động lâu năm từ năm 1972, Công ty đã tạo lập được một vị thế nhất định trong ngành công nghiệp nhựa hỗ trợ, được tổ chức xúc tiến thương mại JETRO Nhật Bản đánh giá cao. Năm 1996, Công ty NHH đã vượt qua các doanh nghiệp FDI hoạt động trong cùng lĩnh vực cung ứng phụ tùng xe máy để trở thành nhà cung ứng cấp 1 của Honda tại Việt Nam. Từ đó đến nay, Công ty đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung cấp phụ tùng xe máy cho các thương hiệu lớn như Honda, SYM, Ford Việt Nam, Toyota, LG.
- Đến nay, Công ty đã phát triển thêm nhiều ngành hàng như điện – điện tử, phụ tùng ô tô, các linh kiện cho ngành xây dựng, khuôn mẫu chính xác, kích thước lớn, cung cấp cho Panasonic, LG Việt Nam, Toyota Việt Nam và các tập đoàn tại Nhật Bản (Lixil Group, Housetec, Hashimoto, Shoden Corp.). Như vậy, Sản phẩm nhựa kỹ thuật và khuôn mẫu phục vụ ngành nhựa của Công ty nhiều năm liền được UBND Thành phố Hà Nội công nhận là sản phẩm chủ lực của Thành phố, khách hàng của Công ty chiếm tới 90% là khách hàng có yếu tố nước ngoài.
- Điểm cạnh tranh lớn của Công ty là vừa có xưởng khuôn đủ thiết kế chế tạo khuôn, vừa có xưởng nhựa lớn để chế tạo sản phẩm, nhờ đó Công ty có thể chủ động thiết kế, chế tạo, bảo trì, bảo dưỡng. Các đơn vị chỉ sản xuất nhựa mà thuê bên ngoài chế tạo bộ khuôn và thử khuôn sẽ mất rất nhiều thời gian, làm giảm sức cạnh tranh. Với bề dày kinh nghiệm, năng lực, và thế mạnh cạnh tranh của xưởng khuôn, Công ty có đủ sức để luôn phát triển mạnh trong lĩnh vực nhựa công nghiệp hỗ trợ.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

a. Triển vọng ngành nhựa

• Triển vọng phát triển của ngành nhựa nói chung

Với mức tăng trưởng từ 16 - 18% trong 5 năm trở lại đây, ngành nhựa hiện chỉ đứng sau ngành viễn thông, dệt may và là ngành khá hấp dẫn nên ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia thị trường đã làm cho tình hình cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Tính trên cả nước hiện có khoảng gần 2.000 doanh nghiệp nhựa đang hoạt động. Số lượng doanh nghiệp nội vẫn đang chiếm ưu thế với 85%. Thế nhưng, khi xét về chất lượng đầu tư thì ngược lại. Hiện doanh nghiệp ngoại tuy chỉ có khoảng 15% số lượng nhưng lại chiếm tới 40% tổng đầu tư toàn ngành với trang thiết bị máy móc, công nghệ thuộc dạng hiện đại nhất hiện nay. Nguồn nhân lực tham gia tại nhà máy của họ cũng thuộc dạng tay nghề cao và trình độ hơn hẳn nguồn nhân lực đang hoạt động tại các doanh nghiệp nội.

Ngành nhựa được dùng làm vật liệu sản xuất cho nhiều loại vật dụng góp phần quan trọng vào phục vụ đời sống con người cũng như phục vụ cho sự phát triển của nhiều ngành và lĩnh vực kinh tế khác như: điện - điện tử, viễn thông, giao thông vận tải, thủy sản, nông nghiệp v.v. Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, nhựa còn được ứng dụng và trở thành vật liệu thay thế cho những vật liệu truyền thống tương chừng như không thể thay thế được là gỗ, kim loại, silicat v.v. Do đó, ngành công nghiệp nhựa ngày càng có vai trò quan trọng trong đời sống cũng như sản xuất của các quốc gia. Theo quy hoạch phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn 2025 đã được Bộ Công Thương phê duyệt, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp đến năm 2020 đạt 17,5%, tỷ trọng ngành nhựa so với toàn ngành công nghiệp đến năm 2020 đạt 5,5%. Theo đó, mục tiêu phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020 sẽ trở thành một ngành kinh tế mạnh với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, từng bước xây dựng và phát triển ngành nhựa đồng bộ từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến sản phẩm cuối cùng, tận dụng và xử lý phế liệu phát sinh, tăng dần tỷ trọng nguyên liệu trong nước để trở thành ngành công nghiệp tự chủ, có khả năng hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới.

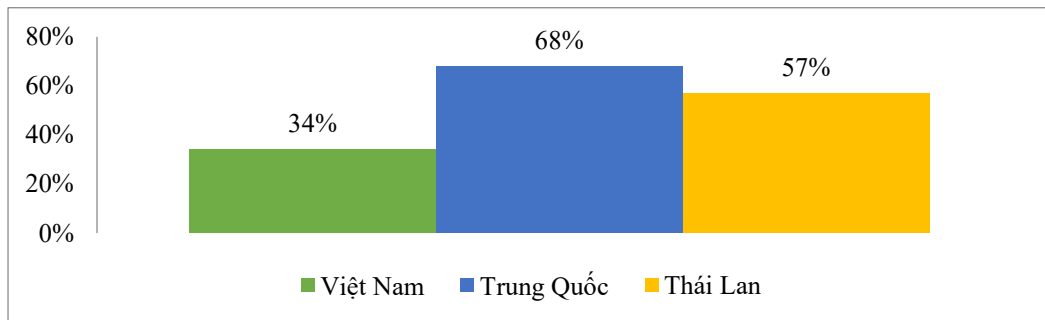
Ngành nhựa Việt Nam là ngành có tốc độ tăng trưởng ổn định. Trong thời gian qua, các doanh nghiệp nhựa Việt Nam đã có sự hợp tác chặt chẽ với những doanh nghiệp nhựa đến từ các nước khác trong khu vực Châu Á và Đông Nam Á. Đây là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy ngành nhựa Việt Nam phát triển mạnh mẽ, với tốc độ tăng trưởng bình quân 15-20%/năm, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Thêm vào đó ngành nhựa là một trong 10 ngành Nhà nước ưu tiên phát triển do mức tăng trưởng tốt và ổn định, xuất khẩu khá mạnh và sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao. Nhà nước đã có chính sách phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho ngành nhựa, định hướng đến năm 2020 nhập khẩu nguyên liệu của ngành chỉ còn khoảng 50%. Đồng thời, Chính phủ thực hiện nhiều chính sách khuyến khích để huy động các nguồn lực xã hội tham gia vào khâu sản xuất nguyên liệu cho ngành nhựa, vì ngoài tạo ra sản phẩm tiêu dùng trực tiếp, ngành nhựa còn giữ vai trò hỗ trợ sản xuất cho các ngành khác.

- **Triển vọng ngành công nghiệp phụ trợ**

Tính đến hết năm 2019, tổng số vốn đầu tư FDI đăng ký vào Việt Nam đạt 38 tỷ USD, tăng 7.2% so với năm 2018. Trong đó, lượng vốn đầu tư tập trung nhiều nhất vào lĩnh vực công nghệ chế tạo với tổng số vốn đạt 24.56 tỷ USD, chiếm 64.6% tổng vốn đầu tư (Theo Cục Đầu tư nước ngoài).

Dòng vốn FDI chảy về các nước không chỉ đơn thuần vì nhân công giá rẻ, họ còn cân nhắc nhiều hơn về khả năng nội địa hóa công nghiệp hỗ trợ nhằm đạt được tối đa lợi ích về tiết kiệm chi phí và cạnh tranh chất lượng. Tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm của Việt Nam so với các nước hiện còn thấp:

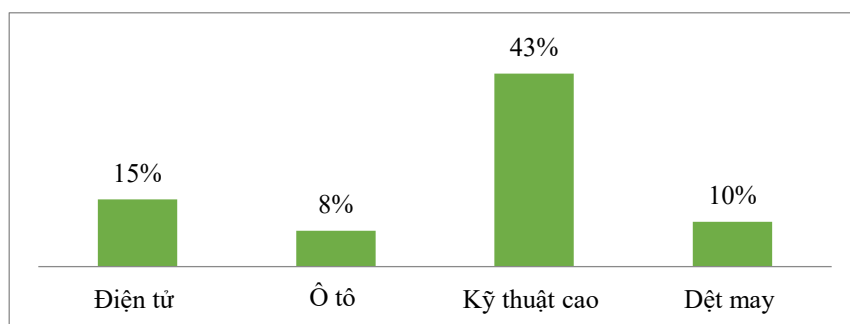
Hình 5: Tỷ lệ nội địa hóa các sản phẩm hỗ trợ



Nguồn: Báo cáo của Tổ chức Thương mại Nhật Bản Hà Nội năm 2019

Theo ước tính của Bộ Công Thương, đến hết năm 2019, có khoảng 1800 doanh nghiệp, chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia vào ngành công nghiệp hỗ trợ, trong đó có khoảng 300 doanh nghiệp đủ điều kiện tham gia vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp FDI với tỷ lệ nội địa hóa các ngành sản xuất cụ thể:

Hình 6: Tỷ lệ nội địa hóa theo ngành



Nguồn: Tổng cục Thống kê

So sánh với nhu cầu của các doanh nghiệp FDI, đa số các doanh nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị ở các sản phẩm đơn giản và có giá trị thấp khiến cho biên lợi nhuận không cao như sản xuất bao bì, thành phần nhựa, hướng dẫn sử dụng,.... Do đó, thị trường công nghiệp phụ trợ ở Việt Nam còn nhiều dư địa để Nhựa Hà Nội tiếp tục phát triển.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

- Xu hướng ngành nhựa kỹ thuật: Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và tình hình dịch bệnh Covid-19 chính là những chất xúc tác quan trọng trong làn sóng chuyển dịch sản xuất sản phẩm nhựa hỗ trợ từ Trung Quốc sang Việt Nam. Với kinh nghiệm cung cấp cho nhiều Tập đoàn ô tô xe máy, điện tử, điện gia dụng hàng đầu thế giới, cùng quy mô sản xuất lớn, liên tục cải tiến quy trình, công nghệ, Tập đoàn đã thu hút được thêm nhiều đối tác, đơn hàng mới trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

- Chính sách của Nhà nước: Phát triển ngành nhựa nói chung và ngành công nghiệp phụ trợ nói riêng đang là một trong những mục tiêu mà Chính phủ đặt ra và hỗ trợ doanh nghiệp, cụ thể được quy định tại Nghị định 68/2017/NĐ-CP về quản lý phát triển cụm công nghiệp và Nghị định 111/2014/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ với các điểm ưu đãi chính sau:
 - + Về chính sách tài chính – tín dụng: Miễn thuế nhập khẩu, xuất khẩu. Hạn mức vay tối đa 70% tổng mức đầu tư, lãi suất vay không quá trần lãi suất của Ngân hàng nhà nước. Miễn/giảm thuế đất, chi phí thuê đất hàng năm,....
 - + Về chính sách nghiên cứu – phát triển: Các doanh nghiệp được hỗ trợ đào tạo từ các chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ do Bộ Công Thương tổ chức, tài trợ tối đa 50% chi phí đầu tư vào chương trình nghiên cứu phát triển hoặc làm các dự án nghiên cứu.
 - + Về chính sách khác: Hỗ trợ phát triển thị trường, hợp tác quốc tế và các ưu tiên tham gia chương trình xúc tiến thương mại quốc gia,..

Theo Quyết định số 55/2007/QĐ-TTg phê duyệt Danh mục 10 ngành công nghiệp ưu tiên, mũi nhọn giai đoạn 2007- 2010, tầm nhìn đến năm 2020, ngành Nhựa cũng nằm trong danh sách các ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển. Song song với đó là Quyết định số 2992/QĐ-BTC ngày 17/6/2011 về Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2035, Chính phủ đặt ra kế hoạch đầu tư chi tiết, ưu tiên phát triển ngành Nhựa thành ngành kinh tế mạnh. Điều này cho thấy ngành Nhựa sẽ được tạo nhiều điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh hoạt động sản xuất, tiêu thụ trong nước cũng như xuất khẩu.

Như vậy triển vọng phát triển của Công ty là phù hợp với sự phát triển của xu hướng chung của thế giới và các chính sách của Chính phủ. Sở hữu lợi thế về cơ sở vật chất, công nghệ, nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực nhựa nói chung và công nghiệp phụ trợ nói riêng, đội ngũ nhân sự dày dặn kinh nghiệm, Công ty hoàn toàn có thể đạt những bước phát triển mạnh và vững chắc trong tương lai.

10. Chính sách đối với người lao động

Nhân lực luôn là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề nhân lực và thực hiện chính sách thu hút lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

10.1. Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động. Tính đến ngày 31/07/2020 số lượng cán bộ nhân viên, công nhân của Công ty là 824 người.

Bảng 16. Tình hình lao động của Công ty (đvt: người)

Tiêu chí	31/07/2020
Số lượng nhân viên	824
I. Phân theo trình độ học vấn	
1. Trình độ trên đại học	02
2. Trình độ đại học	98
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	92
4. Sơ cấp, trung cấp	0
5. Khác	632
II. Phân theo giới tính	
1. Lao động nam	504
2. Lao động nữ	320

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

10.2. Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc, sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đại ngộ thoả đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ Luật lao động, cụ thể:

- + Nghỉ phép năm 12 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường.
- + Số ngày nghỉ phép được tăng theo thâm niên làm việc tại Công ty, cứ đủ 05 năm được nghỉ thêm 01 ngày, có đủ 30 năm trở lên được nghỉ thêm 06 ngày.
- + Nghỉ Tết dương lịch 01 ngày; nghỉ Tết âm lịch 05 ngày; nghỉ giỗ tổ Hùng Vương 01 ngày; nghỉ lễ 30/04 01 ngày; nghỉ Quốc khánh 01 ngày.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc, nhà xưởng gọn sạch theo tiêu chuẩn 5S (Nhật Bản), đảm bảo ánh sáng, an toàn lao động, đầy đủ điều kiện làm việc 3 ca cho người lao động. Đầu năm 2020 Công ty đã hoàn thành nghiệm thu và đưa vào sử dụng hệ thống làm mát Coolong Pad, không khí tại PXCN đã rất mát, đặc biệt trong mùa hè này, các vị trí công việc ít phải dùng quạt mát cục bộ. Hiện đang triển khai sang các xưởng còn lại. CBCNV đi công tác xa được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- Tuyển dụng: tuyển dụng thông qua các trang web tuyển dụng, thông báo tuyển dụng nội bộ và các địa phương, tham gia hội trợ việc làm, liên hệ các trường đào tạo, ưu tiên sử dụng địa phương ...
- Đào tạo: Duy trì 04 hình thức đào tạo bên ngoài, nội bộ, tại chỗ, đào tạo tuyển dụng cho lao động mới, tiếp tục tăng cường đào tạo hội nhập văn hóa An Phát. Từ tháng 4/2020 do ảnh hưởng dịch Covid19, thực hiện chủ trương giãn cách xã hội nên tạm dừng các hoạt động đào tạo trực tiếp, tăng cường tham gia các lớp đào tạo online của Tập đoàn,....

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương: Công ty có Hệ thống thang bảng lương riêng, được xây dựng phù hợp với Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về tiền lương và Nghị định 90/2019/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu vùng năm 2020. Ngoài mức lương tối thiểu theo quy định của Nhà nước, Công ty còn trả lương theo công việc thực hiện, theo cấp bậc quản lý và kỹ năng làm việc (KPI), để tạo động lực thúc đẩy người lao động nâng cao hiệu quả công việc đóng góp cho Công ty.

Do dịch Covid-19 nên tháng 4/2020 Công ty thực hiện nghỉ giãn cách xã hội, tháng 5-6/2020 do ảnh hưởng của dịch nên khách hàng giảm sản lượng nên Công ty bố trí người lao động nghỉ dịch hoặc nghỉ kế hoạch theo khách hàng hưởng lương theo lương tối thiểu vùng.

Công ty có Quy chế trả lương và thưởng theo quy định và được rà soát điều chỉnh theo từng thời kỳ căn cứ theo hiệu quả SXKD và các quy định hiện hành.

Công ty luôn có chính sách đãi ngộ tốt đối với người lao động gắn bó lâu dài và có đóng góp tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (thưởng theo thâm niên, nâng bậc lương trước thời hạn, thưởng theo hiệu quả SXKD,...)

11. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Bảng 17. Tỷ lệ cổ tức 03 năm gần nhất (2017 – 2019)

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá	20%	10%	10%
Hình thức thanh toán	Bằng tiền	Bằng tiền	Bằng tiền

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

12. Tình hình tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

a. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

Bảng 18. Tình hình vốn điều lệ của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
Vốn điều lệ	65.000	344.400	344.400
Tổng nguồn vốn chủ sở hữu	341.497	491.633	485.187

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC bán niên hợp nhất 2020 đã được soát xét

Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu: Công ty luôn sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu theo đúng các quy định của pháp luật và quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

b. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 và được ước tính như sau:

Bảng 19. Thời gian khấu hao của các loại tài sản

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 15 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	08 - 10 năm
Phần mềm máy tính	08 năm

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 của Công ty

Phương pháp trích khấu hao tài sản cố định Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội áp dụng qua các năm 2018, năm 2019 và 06 tháng đầu năm 2020:

Khấu hao tài sản cố định Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội qua các năm 2018, năm 2019 và 06 tháng đầu năm 2020 đều được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo Thông tư 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao qua các năm 2018, năm 2019, năm 2020

Thời gian trích khấu hao đối với toàn bộ tài sản cố định Công ty đầu tư đưa vào sử dụng đều áp dụng thống nhất không thay đổi trong các năm từ khi đưa tài sản vào sử dụng cho đến hết năm 2018. Năm 2019, Công ty thực hiện thay đổi thời gian khấu hao nhưng vẫn trong khung khấu

hao quy định tại phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư 45. Việc trích khấu hao này phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 03 – Tài sản cố định hữu hình tại điểm 34: Trong quá trình sử dụng TSCĐ, khi đã xác định chắc chắn là thời gian sử dụng hữu ích không còn phù hợp thì phải điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích và tỷ lệ khấu hao cho năm hiện hành và các năm tiếp theo và được thuyết minh trong báo cáo tài chính. Ví dụ: Thời gian sử dụng hữu ích có thể được kéo dài thêm do việc cải thiện trạng thái của tài sản vượt trên trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của nó, hoặc các thay đổi về kỹ thuật hay thay đổi nhu cầu về sản phẩm do một máy móc sản xuất ra có thể làm giảm thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Năm 2019, Công ty thay đổi thời gian trích khấu hao. Do Công ty thực hiện đầu tư mua sắm mới các thiết bị hiện đại có xuất xứ từ Nhật Bản trong một số năm gần đây nên tuổi thọ thiết bị cao, chi phí đầu tư lớn. Bởi vậy, Công ty đã thực hiện điều chỉnh tăng thời gian khấu hao tài sản cố định cho phù hợp với thời gian sử dụng thực tế của máy móc, vì trên thực tế, các máy móc hết khấu hao của Công ty hiện vẫn sử dụng hiệu quả.

Tài sản cố định được điều chỉnh thời gian khấu hao trong năm 2019 là tất cả tài sản cố định hiện có của Công ty tại ngày 01/01/2019 chưa khấu hao hết và tài sản đầu tư mới từ năm 2019.

Phương thức thay đổi:

- + Đối với các tài sản hiện có chưa khấu hao hết: Áp dụng thời gian khấu hao tối đa theo khung quy định hiện hành đối với từng tài sản.
- + Đối với tài sản cố định mới đầu tư trong năm 2019 sẽ áp dụng thời gian khấu hao tối đa khung cho phép.

Từ trước cho tới nay, Công ty chỉ thực hiện thay đổi thời gian khấu hao một lần, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10 Thông tư 45 là “Doanh nghiệp chỉ được thay đổi thời gian trích khấu hao TSCĐ một lần đối với một tài sản”. Do đó, Công ty đã gửi Công văn thông báo tới Cục Thuế TP. Hà Nội về việc thay đổi trên theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC.

Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách khấu hao đến kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính tương ứng.

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Việc thay đổi chính sách khấu hao nhanh dẫn đến chi phí khấu hao giảm 31,9 tỷ đồng (như trình bày tại Thuyết minh số 10 của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018).

Việc tăng thời gian khấu hao tài sản cố định trong năm 2019 dẫn đến chi phí khấu hao giảm 13,54 tỷ đồng (như trình bày tại Thuyết minh số 11, số 13 của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019).

Ngoài ra, Công ty có khoản mục Tài sản thuê tài chính được thực hiện trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

c. Mức lương bình quân

Bảng 20: Mức lương bình quân năm 2017 - 2019

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	10.734.474	11.822.489	13.048.675

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

So với mức lương cơ bản theo quy định của các cơ quan Nhà nước, mức lương bình quân của Công ty được đánh giá là ở mức tốt.

d. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt việc thanh toán các khoản nợ đầy đủ và đúng hạn. Tính đến thời điểm 30/06/2020 và thời điểm nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu, Công ty không có khoản nợ quá hạn.

e. Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 21. Tình hình các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.138,9	5.080,8	5.455
Thuế thu nhập cá nhân	3,8	220	1,6
Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.886
Thuế xuất nhập khẩu	-	7,2	0,3
Thuế, phí khác	-	-	0
Tổng cộng	5.142,7	5.308	7.342,9

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC bán niên hợp nhất 2020 đã được soát xét

f. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp

luật hiện hành.

Mức trích cho từng quỹ được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Bảng 22 Tình hình trích các quỹ theo Luật định

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14.166	10.691	7.178
Quỹ đầu tư phát triển	90.417	13.417	27.124

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC bán niên hợp nhất 2020 đã được soát xét

g. Tổng dư nợ vay

Bảng 23. Tình hình dư nợ vay của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
Vay ngắn hạn	46.478	273.381	332.145
Vay dài hạn	-	176.993	237.245
Tổng cộng	46.478	450.374	569.390

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC bán niên hợp nhất 2020 đã được soát xét

Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ trong các năm qua. Hiện nay, Công ty không có nợ quá hạn. Các khoản nợ vay sắp đến thời hạn thanh toán đều nằm trong kế hoạch tài chính của Công ty và đã được chuẩn bị nguồn tài chính đầy đủ kịp thời.

Trong năm 2019, vay nợ tài chính của Công ty chủ yếu để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh và các hoạt động đầu tư góp vốn, cụ thể:

Vay ngắn hạn: Chi tiết một số khoản dư nợ vay ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2019 của Công ty:

- Khoản vay tín chấp 43,8 tỷ từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, kỳ hạn vay 3 tháng, lãi suất 5,5%/năm.
- Khoản vay tín chấp 76,2 tỷ từ Ngân hàng TMCP Quân đội, kỳ hạn vay 4 tháng, lãi suất thả nổi

5,91-5,92%/năm.

- Khoản vay tín chấp 67,71 tỷ từ Ngân hàng Bangkok đại chúng TNHH – CN Hà Nội, kỳ hạn vay 88 ngày, lãi suất huy động vốn + 1.5%.

Vay dài hạn: Khoản dự nợ vay dài hạn lớn nhất của Công ty là khoản vay 129,60 tỷ từ Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, kỳ hạn vay 48 tháng, lãi suất 9,4%, được bảo đảm bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CM050568 do sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương cấp ngày 06/08/2019 mang tên Công ty Cổ phần An Trung Industries và máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

h. Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 24. Tình hình các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
Các khoản phải thu ngắn hạn	275.060	259.552	268.978
Phải thu của khách hàng	132.078	174.636	155.449
Trả trước cho người bán	5.926	13.963	13.187
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135.000	61.864	88.941
Phải thu ngắn hạn khác	2.056	9.089	11.401
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	
Phải thu dài hạn khác	-	856	1.303
Tổng cộng	275.060	260.408	270.000

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC bán niên hợp nhất 2020 đã được soát xét

Bảng 25. Tình hình các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
Nợ ngắn hạn	185.573	482.343	491.751

Phải trả người bán ngắn hạn	84.600	149.110	100.522
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	920	133	4.591
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	5.143	5.308	7.314
Phải trả người lao động	31.662	26.700	7.457
Chi phí trả ngắn hạn	2.284	3.057	558
Phải trả ngắn hạn khác	319	13.964	31.984
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	46.478	273.381	332.145
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14.167	10.691	7.178
Nợ dài hạn	-		
Vay dài hạn	-	176.993	237.245
Tổng cộng	185.573	659.336	728.996

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC bán niên hợp nhất 2020 đã được soát xét

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 26. Các chỉ tiêu tài chính năm 2018, 2019 và 6 tháng 2020

Chỉ tiêu	Đvt	2018	2019	6 tháng 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,12	1,01	1,06
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,75	0,78	0,69
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,36	0,57	0,6
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,54	1,34	1,5
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	13,29	11,31	2,7
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	2,22	1,47	0,38

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,21	4,60	4,51
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	21,26	13,61	3,95
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	11,57	6,76	1,63
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,82	5,78	1,89
Thu nhập trên cổ phần	VND/cổ phần	1.720	1.658	559

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC bán niên hợp nhất 2020 đã được soát xét

a. Khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán phản ánh khả năng thanh khoản và tình trạng tài chính trong ngắn hạn của Công ty. Từ 2018 đến 2019, các hệ số thanh toán của Công ty có chiều hướng giảm nhưng vẫn ở mức an toàn. Cụ thể, hệ số thanh ngắn hạn và nhanh của Công ty trong năm 2019 là 1,01 và 0,78 đồng nghĩa với việc có 1,01 đồng tài sản ngắn hạn đảm bảo cho 1 đồng nợ phải trả. Hệ số thanh toán giảm chủ yếu do trong năm Công ty đã thực hiện huy động từ nguồn vốn vay để đầu tư mua sắm các tài sản cố định mới nhằm thực hiện mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

b. Cơ cấu vốn

Hệ số nợ/tổng tài sản của Công ty năm 2018 năm 2019 cụ thể là 0,36 và 0,57 và có xu hướng tăng qua các năm do Công ty đang trong giai đoạn thực hiện đầu tư và tìm kiếm huy động nguồn vốn tài trợ từ bên ngoài.

c. Năng lực hoạt động

Chỉ số vòng quay hàng tồn kho của Công ty có giảm nhẹ từ 13,29 vòng xuống 11,31 vòng, thể hiện công tác quản lý hàng tồn kho có phần kém hiệu quả hơn so với năm trước. Tuy nhiên, chỉ số này của Công ty vẫn duy trì ở mức tốt, với việc trong 1 năm có thể quay vòng hơn 11 lần hàng tồn kho, thể hiện hiệu quả trong việc tiết kiệm chi phí, giải phóng hàng tồn kho (gồm công tác quản lý hàng tồn kho, quản lý lượng hàng xuất và lưu kho).

Chỉ số doanh thu thuần/tài sản bình quân giảm phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty tăng lên, cụ thể năm 2019 là 1,47 tương ứng 1 đồng doanh thu được tạo từ 1,47 đồng tài sản.

Đây một phần là do tài sản của Công ty từ 2018 đến 2019 đã tăng hơn 118% nhanh hơn tốc độ tăng trưởng 19,75% của doanh thu.

d. Khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2019 của Công ty giảm nhẹ so với năm 2018, do trong năm lợi nhuận khác giảm hơn 8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, đồng thời Công ty tăng chi phí tiền lương cho cán bộ công nhân và tổ chức chương trình quảng bá hình ảnh doanh nghiệp. Tuy vậy, thu nhập trên một cổ phần thường của cổ đông vẫn được duy trì ở mức 1.658 đồng/cổ phiếu.

13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. Hội đồng quản trị

Cơ cấu HĐQT ở thời điểm hiện tại như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm sinh	Số CMND/Hộ chiếu	Ghi chú
Ông Bùi Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	1976	024076000531	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Bùi Thanh Nam	Thành viên HĐQT	1962	001062002074	Thành viên HĐQT điều hành
Ông Mẫn Chí Trung	Thành viên HĐQT	1972	001072013800	Thành viên HĐQT điều hành
Ông Lim Heon Young	Thành viên HĐQT	1969	M45131796	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	1978	022178001014	Thành viên HĐQT độc lập

a. Chủ tịch HĐQT – Bùi Minh Hải

- Họ và tên: Bùi Minh Hải
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 29/10/1976
- Nơi sinh: Bắc Giang
- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ thường trú: Số 2, 16/91, đường Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Số CCCD: 024076000531 Ngày cấp: 03/12/2019
- Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Chủ tịch HĐQT, Người đại diện pháp luật của Công ty về lĩnh vực huy động nguồn vốn và đầu tư tài chính.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2000 - 2002	Kiểm toán nội bộ	Công ty TNHH nước giải khát Coca Cola
2002 - 2004	Phụ trách bán hàng	Công ty TNHH nhà máy bia Hà Tây (Tiger - Heineken)
2004 - 2006	Marketing	Văn phòng đại diện Henessy -Moet Chandon
2006 - 2008	Giám đốc	Kinh doanh riêng xe cơ giới
2008 – 03/2018	Giám đốc sản xuất nhà máy	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
03/2018 – 11/2018	Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất kiêm giám đốc Kế hoạch Sản xuất.	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
12/2018 – 3/2019	Phó GD thường trực Ban Kế hoạch chiến lược và tái cấu trúc	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
	Thành viên Hội đồng quản trị	CTCP Nhựa Hà Nội
04/2019 – 10/2019	Chủ tịch HĐQT	CTCP An Trung Industries
10/01/2019 - 01/10/2019	Chủ tịch Hội đồng thành viên.	Công ty TNHH MTV Cơ Khí Chính xác và chế tạo Khuôn mẫu Việt Nam
03/2019 – 6/2019	Chủ tịch HĐQT	CTCP Nhựa Hà Nội

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
07/2019 - nay	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật	CTCP Nhựa Hà Nội

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: có tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Không

b. Thành viên HĐQT – Ông Bùi Thanh Nam

- Họ và tên: Bùi Thanh Nam
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 24/07/1962
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 11, Ngách 164/10 Phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Số CMND: 001062002074 Nơi cấp: 29/09/2014 Ngày cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy và tự động thủy lực
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
4/1985 - 3/1989	Nhân viên	Xí nghiệp Nhựa Hà Nội
4/1989 - 6/1994	Phó quản đốc	Phân xưởng cơ khí, Công ty Nhựa Hà Nội
7/1994 - 7/1995	Quản đốc	Phân xưởng cơ khí, Công ty Nhựa Hà Nội
7/1995 - 11/2000	Trưởng phòng	Phòng KTCD, Công ty Nhựa Hà Nội
11/2000 - 9/2005	Phó giám đốc	Công ty Nhựa Hà Nội
9/2005 - 11/2008	Phó Tổng Giám đốc	Công ty TNHH NN MTV Nhựa Hà Nội
11/2008 - Nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật	CTCP Nhựa Hà Nội
12/2010 - nay	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM
1993 - 5/2000	Bí thư	ĐTNCS Hồ Chí Minh Công ty CP Nhựa Hà Nội
4/2002 - 10/2010	Đảng Ủy viên, Bí thư chi bộ KT	Đảng ủy CTCP Nhựa Hà Nội
6/2010 - Nay	Bí thư	Đảng ủy CTCP Nhựa Hà Nội
11/2015 - Nay	Ủy viên Ban Chấp hành	Đảng ủy khối Doanh nghiệp Hà Nội

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 93.046 cổ phần, chiếm 0,27% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan:

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên VDL	Mối quan hệ
1.	Trần Xuân Thu	Số CMND: 010384741; Ngày cấp: 21/4/2005; Nơi cấp: CA Hà Nội	1.000 cổ phiếu, chiếm 0,0029% vốn điều lệ	Vợ

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: **có tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán**
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Không

c. Thành viên HĐQT – Ông Mẫn Chí Trung

- Họ và tên: Mẫn Chí Trung
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 04/12/1972
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 82 Đường 19 Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội
- Số CMND: 001072013800 Ngày cấp: 26/07/2017 Nơi cấp: Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ CN Chế tạo máy
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch Công ty và Người đại diện pháp luật của Công ty TNHH An Trung Industries, Chủ tịch Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM, Tổng giám đốc Công ty TNHH linh kiện nhựa ô tô VINFAST - AN PHÁT.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
12/1995 - 3/2002	Quản đốc sản xuất	Công ty Peter Hand Việt Nam
4/2002 - 3/2008	Nghiên cứu sinh	Nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Nhật Bản
8/2008 - 2/2018	Giám đốc sản xuất	Công ty Valqua Việt Nam
3/2018 - 11/2018	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Nhựa Đại An
26/11/2018 – đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
28/11/2018 – đến nay	Tổng Giám đốc	Công ty TNHH linh kiện nhựa ô tô Vinfast – An Phát
03/2019 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
09/04/2019 – 01/10/2019	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần An Trung Industries
01/10/2019 – 15/02/2020	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Công ty TNHH An Trung Industries
15/02/2020 - nay	Chủ tịch công ty và Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH An Trung Industries
01/10/2019 - Nay	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MTV Cơ Khí Chính xác và chế tạo Khuôn mẫu Việt Nam.
16/4/2020 - nay	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: **có tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán**
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Không

d. Thành viên HĐQT – Ông Lim Hoen Young

- Họ và tên: Lim Hoen Young
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 16/04/1969
- Nơi sinh: Hàn Quốc

- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Địa chỉ thường trú: 504-405, 413, Dangu-ro, Wonju-si, Gangwon-do, Korea.
- Số CMND: M45131796 Ngày cấp: 15/06/2011
- Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Tổng giám đốc Ankor Bioplastics Co.,Ltd
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2002 - 2004	Tổng giám đốc	En-Zone Co.,Ltd
2004 - 2005	Giám đốc	Hallatech Co.,Ltd
2005 - 2012	Giám đốc	GreenChemical Co.,Ltd
2012 – nay	Tổng giám đốc	ANKOR Bioplastics Co.,Ltd
3/2020 - nay	Thành viên HĐQT	Công ty CP Nhựa Hà Nội

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: có tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Không

e. Thành viên HĐQT – Bà Hòa Thị Thu Hà

- Họ và tên: Hòa Thị Thu Hà
- Giới tính: Nữ

- Ngày sinh: 04/11/1978
- Nơi sinh: Ưông Bí – Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Khu 5, phường Hải Tân, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Số CMND: 022178001014 Ngày cấp: 24/11/2016
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQT và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính kế toán Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2000 - 2002	Nhân viên kế toán	Công ty TNHH Khang Vinh
2003 - 2005	Nhân viên kế toán	Công ty TNHH Hưng Việt
2005 – 3/2007	Nhân viên kế toán	Công ty TNHH Anh Hai Duy
2006 -2009	Trưởng phòng kế toán	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
2010 -3/2018	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
4/2018 – Nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính kế toán	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
6/2020 – Nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0 vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: .Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: có tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCD thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Không

13.2. Ban Tổng Giám đốc

Cơ cấu Ban Tổng giám đốc ở thời điểm hiện tại bao gồm:

Họ và tên	Chức danh
Ông Bùi Thanh Nam	Tổng Giám đốc
Ông Mẫn Chí Trung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Hương Giang	Kế toán trưởng

a. Tổng Giám đốc – Ông Bùi Thanh Nam

Đã trình bày ở mục HĐQT.

b. Phó Tổng Giám đốc – Ông Mẫn Chí Trung

Đã trình bày ở mục HĐQT

c. Phó Tổng Giám đốc – Bà Phạm Thị Thanh Hiền

- Họ và tên: Phạm Thị Thanh Hiền
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 12/10/1965
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 33B, phố Phạm Ngũ Lão, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số CMND: 011141796 Ngày cấp: 04/12/2010
- Nơi cấp: CA thành phố Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - CN Quản lý kinh tế công nghiệp
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM ; Tổng giám đốc, Người đại diện pháp luật công ty TNHH An Trung Industries.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2/1987 – 1/1994	Nhân viên phòng Kế hoạch sản xuất	Công ty Nhựa Hà Nội
2/1994 – 4/2001	Phó phòng Kế hoạch sản xuất	Công ty Nhựa Hà Nội
5/2001 – 7/2006	Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất	Công ty Nhựa Hà Nội
8/2006 – 10/2008	Phó tổng giám đốc	Công ty TNHH nhà nước một thành viên Nhựa Hà Nội
11/2008 – 11/2010	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
12/2010 - 01/2011	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM
01/2011 – 4/2018	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
	Thành viên HĐQT, Giám đốc	Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM
5/2018 – 3/4/2019	Phó tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
	Thành viên HĐQT, Giám đốc	Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM
04/4/2019 – 2/2020	Phó tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM
02/2020 - Nay	Phó tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
	Tổng giám đốc, người đại diện pháp luật	Công ty TNHH An Trung Industries

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 400 cổ phần, chiếm 0,0012% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan:

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1.	Nguyễn Hạnh Dung	Số CMND: 001190019860; Ngày cấp: 11/01/2019; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	400 cổ phiếu, chiếm 0,0012 % vốn điều lệ	Con

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: có tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

d. Kế toán trưởng - Bà Đỗ Thị Hương Giang

- Họ và tên: Đỗ Thị Hương Giang
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 03/04/1975
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: SN 11 ngõ 323/83 Tổ dân phố Xuân Nhang 1 – phường Xuân Đình – quận Bắc Từ Liêm – thành phố Hà Nội
- Số CMND: 001175012660 Ngày cấp: 10/02/2017 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQT cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng thành viên công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM, Ủy viên BCH Công đoàn ngành công thương Hà Nội.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
01/1994 – 1/2000	Nhân viên Kế toán	Công ty Nhựa Hà Nội
02/2000 – 2/2003	Phó phòng Tài vụ	Công ty Nhựa Hà Nội
3/2003 – 6/2003	Quyền trưởng phòng Tài vụ	Công ty Nhựa Hà Nội
7/2003 – 4/2004	Trưởng phòng Tài vụ	Công ty Nhựa Hà Nội
5/2004 – 6/2006	Trưởng phòng Tài vụ	Công ty Nhựa Hà Nội
	Trưởng Ban Kiểm soát	Công ty Cổ phần Hàm Rồng
7/2006 – 10/2008	Kế toán trưởng	Công ty TNHH NN MTV Nhựa Hà Nội
	Trưởng Ban Kiểm soát	Công ty Cổ phần Hàm Rồng
11/2008-11/2010	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
	Trưởng Ban Kiểm soát	Công ty Cổ phần Hàm Rồng
12/2010 – 4/2011	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
	Thành viên HĐTV	Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM
	Trưởng Ban Kiểm soát	Công ty Cổ phần Hàm Rồng
5/2011 – 4/2018	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
	Thành viên HĐTV	Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM
5/2018 – 3/2019	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
	Thành viên HĐTV	Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
04/2019 – Nay	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM
	Tổ chức Đoàn TN	
1/2000 – 2009	Bí thư	Đoàn TNCS HCM Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
	Tổ chức công đoàn	
7/2000 - 9/2009	Ủy viên BCH Công đoàn	Công đoàn Công ty Nhựa Hà Nội
10/2009 – 8/2017	Phó chủ tịch Công đoàn	Công đoàn Công ty Nhựa Hà Nội
9/2017 – 11/2017	Chủ tịch Công đoàn	Công đoàn Công ty Nhựa Hà Nội
12/2017 – 5/2019	Chủ tịch Công đoàn	Công đoàn Công ty Nhựa Hà Nội
	Ủy viên BCH Công đoàn	Công đoàn ngành Công Thương Hà Nội
6/2019 – Nay	Phó chủ tịch Công đoàn	Công đoàn Công ty Nhựa Hà Nội
	Ủy viên BCH Công đoàn	Công đoàn ngành Công Thương Hà Nội
	Tổ chức Đảng	
8/2005 – 4/2015	Ủy viên BCH Đảng ủy	Đảng bộ Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
4/2015 – 5/2020	Ủy viên BCH Đảng ủy- Bí thư chi bộ Nghiệp vụ	Đảng bộ Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
6/2020 - Nay	Phó bí thư Đảng ủy	Đảng bộ Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 4.400 cổ phần, chiếm 0.0128% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: có tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Không

- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

13.3. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty có ba (03) thành viên. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm (2019 - 2024); thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh
Ông Trần Hoa Tùng	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Bùi Văn Hưởng	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Tạ Phúc Tâm	Thành viên Ban kiểm soát

a. Trưởng BKS – Bà Trần Hoa Tùng

- Họ và tên: Trần Hoa Tùng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/01/1986
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Khu thực phẩm, Vân Trai, Thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội
- Số CMND: 017415513 Ngày cấp: 26/11/2012 Nơi cấp: CA TP Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
8/2008 -6/2010	Trợ lý Kiểm toán viên	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Tài chính Quốc tế
7/2010 – 8/2014	Kế toán	Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long – Chi nhánh Hà Nội

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
9/2014 - 2/2018	Kiểm toán viên	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Tài chính Quốc tế
5/2018 – 30/09/2019	Kế toán tổng hợp	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
26/11/2018 – 3/2020	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
18/3/2020 - nay	Trưởng Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: có tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Không

b. Thành viên BKS – Ông Bùi Văn Hưởng

- Họ và tên: Bùi Văn Hưởng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 31/10/1989
- Nơi sinh: Quốc Oai – Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: xã Thạch Thán, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
- Số CMND: 001089024339 Ngày cấp: 10/12/2018
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQT cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
3/2012 – 11/2013	Trợ lý Kiểm toán	Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam
8/2015 – 01/2017	Kế toán tổng hợp	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương
01/2017 – 8/2019	Kế toán tổng hợp	Công ty Cổ phần khách sạn và dịch vụ Đại Dương
8/2019 – 3/2020	Kế toán tổng hợp	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
18/3/2020 - Nay	Kế toán tổng hợp	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: **có tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán**
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

c. Thành viên BKS – Tạ Phúc Tâm

- Họ và tên: Tạ Phúc Tâm
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/12/1991
- Nơi sinh: Long Biên – Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ thường trú: Bắc Cầu 1, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
- Số CMND: 001091010246 Ngày cấp: 25/01/2016
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật/ Thạc sĩ Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
05/07/2014 – đến nay	Nhân viên xuất nhập khẩu	Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội.
13/8/2020- nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: có tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

14. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

14.1. Tài sản cố định

Bảng 27. Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
Tài sản cố định hữu hình	828.125	345.708	41,75%
Nhà cửa, vật kiến trúc	172.688	77.776	45,04%

Máy móc và thiết bị	614.351	256.884	41,81%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	35.478	9.547	26,91%
Thiết bị văn phòng	5.608	1.501	26,77%
Tài sản cố định thuê tài chính	44.500	42.275	95,00%
Máy móc thiết bị	44.500	42.275	95,00%
Tài sản cố định vô hình	12.644	9.492	75,07%
Phần mềm máy tính	12.644	9.492	75,07%
Tổng cộng	885.269	397.475	44,90%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2019

Bảng 28. Giá trị tài sản cố định tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
Tài sản cố định hữu hình	797.320	317.150	39,78%
Nhà cửa, vật kiến trúc	174.236	75.435	43,29%
Máy móc và thiết bị	580.988	230.673	39,7%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	36.146	9.440	26,12%
Thiết bị văn phòng	5.950	1.603	26,94%
Tài sản cố định thuê tài chính	64.807	59.858	92,36%
Máy móc thiết bị	64.807	59.858	92,36%
Tài sản cố định vô hình	12.894	8.991	69,73%
Phần mềm máy tính	12.894	8.991	69,73%
Tổng cộng	875.021	385.999	44,11%

Nguồn: BCTC bán niên hợp nhất 2020 đã được soát xét

14.2. Tình hình sử dụng đất đai

Bảng 29. Danh sách đất đai, nhà xưởng tại ngày 30/06/2020

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Loại hình	Thời hạn sử dụng còn lại	Mục đích
1	Thôn Hào, xã Liêu Xá, Huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	23.089	Đất thuê trả tiền hàng năm	33 năm	Xây dựng nhà máy Viexim

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Loại hình	Thời hạn sử dụng còn lại	Mục đích
2	Tổ 12 phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP. Hà Nội	23.126	Đất thuê trả tiền hàng năm (Công ty đã trả tiền 1 lần cho toàn bộ thời gian thuê với diện tích là 19.880 m ²)	27 năm	Xây dựng nhà máy CTCP Nhựa Hà Nội
3	Khu Công nghiệp kỹ thuật Cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	18.438	Đất thuê trả tiền 1 lần	47 năm	Xây dựng Nhà máy An Trung Industries

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

15.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

Bảng 30. Dự kiến kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Năm 2020	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2019
Doanh thu thuần	1.232.538	1.860.000	50,91%
Lợi nhuận sau thuế	56.711	146.000	157,45%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,6%	7,85%	70,65%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	16,47%	42,39%	257,37%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	10%	20%	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

15.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

a. Căn cứ vào năng lực sản xuất của các nhà máy và các hợp đồng khung ký với đối tác

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội có 04 Nhà máy và 01 Nhà máy liên doanh đã đi vào hoạt động

ngoài ra Công ty vẫn đang tiếp tục đầu tư mở rộng các dự án mới. Các hợp đồng nguyên tắc ký với các đối tác được trình bày chi tiết tại Mục IV.7.5 về các hợp đồng đang thực hiện.

- Nhà máy Nhựa Hà Nội: Hiện nhà máy có khoảng 65 máy ép nhựa; 10 trung tâm gia công khuôn, công suất 80%, với thế mạnh là sản xuất linh kiện cho ngành ô tô – xe máy với sản lượng khai thác hiện nay 5.000 tấn sản phẩm/năm.
- Nhà máy Viexim: Hiện nhà máy có khoảng 50 máy ép nhựa, công suất 85%, với thế mạnh là sản xuất linh kiện cho ngành công nghiệp ô tô - xe máy với sản lượng 3.000 tấn sản phẩm/năm, tổng số nhân sự 320 người.
- Nhà máy An Trung: Nhà máy An Trung đã đi vào hoạt động từ Quý 3/2019, hiện nhà máy khai thác khoảng 15-22/37 máy ép nhựa, công suất khoảng 31%, mang lại doanh thu mỗi tháng từ 10 - 20 tỷ đồng, sản lượng 26 tấn/tháng, tổng số nhân sự 204 người. An Trung Industries với chiến lược tập trung vào sản phẩm nhựa cho ngành điện - điện tử đã chính thức trở thành nhà cung ứng cấp 2 của Samsung vào tháng 4/2019 và chỉ 4 tháng sau đó, Brother Việt Nam đã tin tưởng lựa chọn An Trung Industries là nhà cung ứng cấp 1. Ngoài ra, An Trung Industries hướng tới sản xuất dao thìa đĩa và ống hút tự hủy cho xuất khẩu sang thị trường Mỹ, mảng này ước tính mang lại doanh thu 100 tỷ mỗi năm cho Công ty, biên lợi nhuận của mảng tự hủy dự kiến 12% - 15%.
- Nhà máy VMC – khuôn mẫu: Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam là mũi nhọn trong lĩnh vực thiết kế, chế tạo các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất các sản phẩm nhựa cho ngành công nghiệp. Đây là ngành chiến lược phát triển trong thời gian tới của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội. Nhà máy VMC – khuôn mẫu của Công ty có tổng mức đầu tư 220 tỷ đồng, hiện nhà máy khai thác khoảng 10 máy trung tâm CNC thiết kế và chế tạo khuôn mẫu. Hiện nay, Nhà máy đang hoạt động với công suất 80 bộ khuôn/năm dự kiến doanh thu hàng năm khoảng 100 tỷ đồng, biên lợi nhuận mảng khuôn dự tính 8% - 10%.
- Lợi nhuận từ đầu tư góp vốn liên doanh tại Công ty TNHH Linh kiện nhựa ô tô Vinfast – An Phát (VAPA). Với việc Nhà máy sản xuất linh kiện nhựa ô tô Vinfast – An Phát (VAPA) đã đi vào hoạt động được kỳ vọng sẽ mang lại hiệu quả lợi nhuận cao cho Công ty trong năm 2020 và các năm tiếp theo.

b. Tình hình thị trường cho dòng sản phẩm chủ lực của Công ty

- Đối với sản phẩm nhựa linh kiện cho ngành công nghiệp ô tô – xe máy: Công ty Cổ phần Hà Nội và Công ty Viexim vẫn tiếp tục dựa trên thế mạnh trước nay là sản xuất linh kiện cho ngành công nghiệp ô tô - xe máy, đẩy mạnh mảng ô tô bởi hiện tại thị trường trong nước chưa được

khai thác đúng tiềm năng, tỷ lệ nội địa hóa ở mức thấp chỉ khoảng dưới 10% so với kỳ vọng của Chính phủ.

c. Kế hoạch đầu tư của Công ty trong giai đoạn 2020 - 2022

Dự kiến trong năm 2020, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội sẽ thực hiện M&A Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công Nghệ Cao An Cường (ACP). Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công Nghệ Cao An Cường sở hữu thương hiệu Anpro, có nhà máy sản xuất với diện tích 13.000 m² đặt tại Khu Công Nghiệp Kỹ thuật Cao An Phát, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. ACP có công suất sản xuất là 80.000 – 150.000 m²/tháng, với các sản phẩm chủ lực:

- + Tấm ốp: vân đá, vân gỗ, vân giấy dán tường.
- + Phào chỉ trang trí.
- + Tranh 4D.
- + Ván sàn SPC hèm khóa.

Sản phẩm ván sàn SPC là sản phẩm chủ lực của ACP. ACP dự kiến sẽ xuất khẩu sản phẩm này sang thị trường Mỹ từ năm 2020 (chiếm 70% doanh thu) với công suất khoảng 3-4 triệu m² sàn/năm.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ là Tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội cũng như lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội được xây dựng dựa trên tiềm lực thực tế của Công ty và tiềm năng tăng trưởng của ngành nhựa. Tuy nhiên, với tình hình diễn biến phức tạp của dịch CoVid-19, kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2020 là một thách thức lớn đối với Ban Lãnh đạo của Công ty và toàn thể Cán bộ công nhân viên đòi hỏi Công ty cần phải có những biện pháp quản lý sát sao về mọi mặt để đạt được kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của Tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội với mã chứng khoán là NHH đã niêm yết trên HSX. Đối với số lượng cổ phiếu phát hành thêm trong đợt phát hành này, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngay sau khi hoàn tất đợt phát hành, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung. Thời gian thực hiện dự kiến là 30 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

2.000.000 cổ phiếu tương đương 5,81% tổng số cổ phần đã phát hành.

4. Giá chào bán dự kiến đối với cổ phiếu chào bán

Giá chào bán dự kiến là 45.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

Công ty sử dụng kết hợp các phương pháp Giá trị sổ sách (BV) và Giá thị trường (P) để làm cơ sở cho việc xác định giá chào bán cổ phiếu:

Giá trị sổ sách của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán ngày 31/12/2019 là **14.275** đồng/cổ phiếu

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách/cổ phần} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu-nguồn kinh phí và quỹ khác}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}} \\ &= \frac{491.633.612.630}{\text{---}} = 14.275 \text{ đồng/ cổ phiếu} \end{aligned}$$

34.440.000

Giá trị sổ sách của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2019 là **13.543** đồng/cổ phiếu

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách/cổ phần} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu-nguồn kinh phí và quỹ khác}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}} \\ &= \frac{466.422.776.006}{34.440.000} = 13.543 \text{ đồng/ cổ phiếu} \end{aligned}$$

Giá trị thị trường giao dịch của cổ phiếu NHH bình quân 60 phiên gần nhất (từ ngày 17/04/2020 đến ngày 13/07/2020) là **45.978** đồng/cổ phiếu

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 2 năm 2020 số 395/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 08 năm 2020 đã thông qua giá phát hành là **45.000** đồng/cổ phiếu và đối tượng chào bán là các cổ đông hiện hữu, những người gắn bó lâu dài với Công ty, cùng góp tay chung sức đưa Công ty ngày càng phát triển.

Như vậy, giá chào bán được xác định cao hơn giá trị sổ sách của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 và được chiết khấu 2.13% so với giá trị cổ phiếu NHH đang được giao dịch trên thị trường chứng khoán.

6. Phương thức phân phối

Cổ phiếu sẽ được chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua với tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu là 861:50, cụ thể như sau:

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01 quyền mua, 861 quyền mua sẽ được mua 50 cổ phiếu mới chào bán thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán thêm, cổ đông A đang sở hữu 862 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được mua số cổ phiếu mới chào bán thêm tương ứng là $(862: 861) \times 50 = 50,06$ cổ phiếu, làm tròn xuống còn 50 cổ phiếu.
- Trường hợp cổ đông đã lưu ký, Công ty sẽ phối hợp với VSD phân phối và thông báo quyền mua cho các cổ đông thông qua các Công ty chứng khoán – thành viên lưu ký của VSD.
- Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.
- Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phiếu có thể chuyển nhượng 01 lần duy nhất cho các đối tượng khác trong thời gian đăng ký mua cổ phiếu.

- Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận giá chuyển nhượng quyền mua và tự thanh toán tiền chuyển nhượng.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán dự kiến: Trong năm 2020 sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định.

Các mốc thời gian dự kiến của đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:

Bảng 31: Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu	D
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông gửi tới VSD và HSX để triển khai	D
3	Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	D+2 đến D+7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D+11
5	Ngày đăng ký cuối cùng	D+12
6	Phối hợp cùng VSD phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán	D+16 đến D+22
7	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần	D+23 đến D+43
8	VSD Tổng hợp việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu, gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa	D+50
9	NHH xử lý cổ phiếu không phân phối hết	D+51 đến D+61
10	Báo cáo UBCKNN về kết quả chào bán	D+62
11	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung	D+64
12	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu cho các cổ đông chưa lưu ký	D+64

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Thông báo phát hành và đảm bảo thời gian đăng ký và nộp tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày (Hai mươi ngày) theo đúng quy định của Pháp luật. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách là cơ sở đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định.

Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại các thành viên lưu ký: Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành tại thành viên lưu ký đó.

Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký: thì việc đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua tại Trụ sở Công ty và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành vào tài khoản phong tỏa của Công ty:

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Số tài khoản: 119601079666

Mở tại: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh khu công nghiệp Hải Dương

Xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết của đợt chào bán (nếu có): Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) và số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác do HĐQT lựa chọn (Bao gồm cả những nhà đầu tư được chọn mua cổ phiếu thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3, Điều 1 Nghị định 60/20215/NĐ-CP ngày 26/06/2015) với giá phân phối không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu. Trong trường hợp tỷ lệ sở hữu của cổ đông được HĐQT phân phối lại cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu từ chối mua vượt quá tỷ lệ 25% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết thì không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai. Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khi được chào bán cho các đối tượng khác theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng với thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định của Pháp luật. Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của Pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có) nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

9. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu phổ thông để chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty. Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu), quyền nhận theo hướng dẫn tại mục V.6, V.7 và V.8 của Bản cáo bạch này.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Hiện tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài.

Căn cứ Công văn số 5383/UBCK-PTTT ngày 03/09/2020 của UBCKNN về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là 100%. Do vậy, nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại Công ty. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của NĐTNN tại Công ty theo danh sách cổ đông chốt ngày 28 tháng 07 năm 2020 là 10,74%.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Cổ phiếu phát hành trong đợt phát hành thêm là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

Cổ phiếu không phân phối hết được Hội đồng quản trị phân phối lại cho các nhà đầu tư sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành theo quy định tại Khoản 3 – Điều 9 Nghị định 60/2015/ND-CP ngày 26/06/2015.

12. Các loại thuế có liên quan

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phần:

Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Số tài khoản phong toả: 119601079666

Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh khu công nghiệp Hải Dương.

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 395/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 08 năm 2020, toàn bộ số vốn thu được, bao gồm cả phần thặng dư vốn, được Công ty sử dụng cho mục đích:

- Giảm nợ vay nhằm đảm bảo cơ cấu tài chính an toàn và tăng cường khả năng tự chủ về tài chính của Công ty;
- Bổ sung vốn lưu động nhằm hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2020 trong điều kiện kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn;
- Đảm bảo lợi ích cho các cổ đông của Công ty.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số cổ phần phát hành:	2.000.000 cổ phần
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá chào bán dự kiến:	45.000 đồng/cổ phần
Tổng số tiền dự kiến thu được:	90.000.000.000 đồng (Chín mươi tỷ đồng)

Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại nghị quyết ĐHĐCĐ số 395/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 08 năm 2020 thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ. Cụ thể toàn bộ số vốn thu được từ các đợt phát hành, bao gồm cả phần thặng dư vốn, được Công ty sử dụng vào các mục đích như sau:

Bảng 32: Mục đích sử dụng vốn chi tiết

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Tiến độ sử dụng vốn
1	Trả nợ vay vốn lưu động của ngân hàng để phục vụ sản xuất kinh doanh.	50.000.000.000	Quý 4/2020
2	Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa, nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (sản phẩm nhựa: linh phụ kiện nhựa lắp ráp ô tô, xe máy, điều hòa, máy giặt, máy in, hộp nhựa, vỏ điện thoại, pallet nhựa,..; hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; thép, linh phụ kiện, vật tư phục vụ gia	40.000.000.000	Theo tình hình thực tế

	công khuôn; sơn mạ sản phẩm; dịch vụ vận tải...); thanh toán lương, lương khuyến khích và các khoản phụ cấp cho người lao động.		
	Tổng cộng	90.000.000.000	

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán ra công chúng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm

Điện thoại: +84 24 3831 5100

Website: www.ey.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 33776699 Fax: (84-4) 33736699

Website: www.sbsi.com.vn

2. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Với tư cách là tổ chức tư vấn phát hành, Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers (“SBSI”) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 395/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020, của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, toàn bộ số vốn thu được, bao gồm cả phần thặng dư vốn, được Công ty sử dụng cho mục đích:

- Giảm nợ vay nhằm đảm bảo cơ cấu tài chính an toàn và tăng cường khả năng tự chủ về tài chính của Công ty;
- Bổ sung vốn lưu động thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh năm 2020 trong điều kiện kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn;
- Đảm bảo lợi ích cho các cổ đông của Công ty.

Công ty dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu 2.000.000 cổ phiếu theo tỷ lệ 861:50 với mức

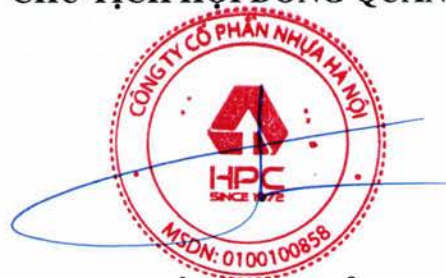


giá chào bán là 45.000 đồng/cổ phiếu. Giá giao dịch cổ phiếu của Công ty trên thị trường vào thời điểm xây dựng hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu (ngày 14/08/2020) là 48.000 đồng/cổ phiếu. Với kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 nhiều khả quan, định hướng hoạt động và kiểm soát sát sao của Ban Lãnh đạo nhằm nỗ lực thực hiện kế hoạch đặt ra năm 2020, Tổ chức tư vấn cho rằng Công ty có khả năng thành công trong đợt chào bán.

IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÙI MINH HẢI

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI THANH NAM

KÊ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THỊ HƯƠNG GIANG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



TRẦN HOA TÙNG



ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUANG ANH